

Số: 644/HCM-HCQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO
V/v lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản có hiệu lực ngày 01/01/2025;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ: Tòa nhà VBB, số 5 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

2. Thông tin tài sản:

- Tên tài sản: tài sản và công cụ lao động đã qua sử dụng.
- Giá khởi điểm để bán đấu giá: 114.355.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng) – Giá chưa bao gồm VAT và các chi phí liên quan khác. Chi tiết giá khởi điểm theo phụ lục đính kèm.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải có các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và các tiêu chí theo Phụ lục I - Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ban hành theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0

7.002
KING
THƯƠNG
SÂM
SHANH
CHIMIN
HỒ HỒ

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản	3,0
2	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3	Có nhiều kinh nghiệm đấu giá tài sản thanh lý của Ngân hàng	2,0
Tổng số điểm		100

Tổ chức đấu giá có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại sẽ được lựa chọn. Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức hành nghề đấu giá:

- Thời gian nộp hồ sơ (trong giờ hành chính): 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo này.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Hành chính Quản trị - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà VBB, số 5 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, Tp. HCM;

- Thông tin liên hệ: Nguyễn Thế Dương, Số điện thoại: (028) 3829 7245 - ext: 8492.

- Hình thức: Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn được nộp trực tiếp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, không nhận hồ sơ qua đường bưu chính.

Lưu ý: Người nộp phải có giấy giới thiệu của tổ chức bán đấu giá tài sản và mang theo căn cước công dân. Vietcombank TP.HCM sẽ không hoàn trả hồ sơ đối với các đơn vị không được lựa chọn.

- Số lượng hồ sơ đăng ký tham gia: 01 bộ hồ sơ phải còn nguyên niêm phong.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh mong nhận được sự hợp tác của các tổ chức đấu giá tài sản chuyên nghiệp./.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, HCQT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thu Hà

Phụ lục chi tiết giá khởi điểm tài sản, công cụ lao động thanh lý theo thông báo số:
644 /HCM-HCQT ngày 22 tháng 01 năm 2026

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Tài sản cố định				13.733.000
1	Phòng máy ATM công ty nhựa Ngọc Nghĩa	Phòng	1	1.000.000	1.000.000
2	Tổng đài Simen Hicom 330E	Cái	1	50.000	50.000
3	Tổng đài điện thoại 300SO-13KD	Cái	1	50.000	50.000
4	Bảng tỷ giá điện tử	Cái	1	10.000	10.000
5	Bảng tỷ giá điện tử-PGD5	Cái	1	10.000	10.000
6	Bảng tỷ giá điện tử-PGD8	Cái	1	10.000	10.000
7	Hệ thống âm thanh hội trường	Hệ thống	1	200.000	200.000
8	Hệ thống âm thanh khách hàng	Hệ thống	1	200.000	200.000
9	Hệ thống âm thanh hội trường	Hệ thống	1	200.000	200.000
10	Hệ thống âm thanh hội trường	Hệ thống	1	200.000	200.000
11	Hệ thống âm thanh P. Khánh tiết	Hệ thống	1	200.000	200.000
12	Hệ thống âm thanh P. Khánh tiết	Hệ thống	1	200.000	200.000
13	Hệ thống camera-PQUY,THE	Hệ thống	1	10.000	10.000
14	Hệ thống camera màu quan sát	Hệ thống	1	10.000	10.000
15	Máy photo Ricoh FT5640 (NQ)	Cái	1	150.000	150.000
16	Máy photocopy Xerox V340	Cái	1	150.000	150.000
17	Máy photocopy Xerox V340	Cái	1	150.000	150.000
18	Máy photocopy KTS Xerox DC336	Cái	1	150.000	150.000
19	Máy photo Canon IR3530	Cái	1	150.000	150.000
20	Máy photocopy Ricoh MP4000B	Cái	1	150.000	150.000
21	Máy photocopy Ricoh MP4000B	Cái	1	150.000	150.000
22	Máy photocopy Ricoh MP4000B	Cái	1	150.000	150.000
23	Máy photocopy Ricoh MP4000B	Cái	1	150.000	150.000
24	Máy photocopy Ricoh MP4000B	Cái	1	150.000	150.000
25	Máy photocopy Ricoh MP4000B	Cái	1	150.000	150.000
26	Máy photocopy Ricoh MP4000B	Cái	1	150.000	150.000
27	Máy photocopy Ricoh MP4000B	Cái	1	150.000	150.000
28	Máy photocopy Fuji Xerox Docucentre	Cái	1	150.000	150.000
29	Máy photocopy Fuji Xerox Docucentre	Cái	1	150.000	150.000
30	Máy photocopy Fuji Xerox Docucentre - IV4070	Cái	1	150.000	150.000
31	Máy photocopy Fuji Xerox Docucentre - IV5070	Cái	1	150.000	150.000
32	Máy photocopy MP 2001L	Cái	1	150.000	150.000
33	Máy photocopy MP 2001L	Cái	1	150.000	150.000
34	Máy photocopy Bizhub 283	Cái	1	150.000	150.000
35	Máy photocopy Ricoh MP3054	Cái	1	150.000	150.000
36	Máy photocopy Ricoh MP3054	Cái	1	150.000	150.000
37	Máy photocopy Ricoh MP3054	Cái	1	150.000	150.000
38	Máy photocopy Canon IR-ADV 4551I	Cái	1	150.000	150.000
39	Máy photocopy Bizhub 283	Cái	1	150.000	150.000
40	Máy photocopy MP 2001L	Cái	1	150.000	150.000
41	Máy photocopy Fuji Xerox Docucentre	Cái	1	150.000	150.000
42	Máy photocopy Canon IR-ADV 4551I	Cái	1	150.000	150.000
43	Máy photocopy Fuji Xerox Docucenter V3060	Cái	1	150.000	150.000
44	Máy photocopy Fuji Xerox Docucentre	Cái	1	150.000	150.000

11243
 ANH
 NGUYEN
 VIET N
 CHINH
 PHOCH
 PHOCH

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
45	Máy photocopy Fuji Xerox Docucenter V3060	Cái	1	150.000	150.000
46	Máy photocopy Fuji Xerox Docucenter V3060	Cái	1	150.000	150.000
47	Máy chiếu đa năng Panasinic	Cái	1	5.000	5.000
48	Máy chiếu LCD Panasinic	Cái	1	5.000	5.000
49	Hệ thống Máy lạnh Daikin	Cái	1	500.000	500.000
50	Máy lạnh Carrier 5.5HP đứng	Cái	1	300.000	300.000
51	Máy lạnh Carrier 5.5HP	Cái	1	300.000	300.000
52	Máy lạnh âm trần Daikin 3HP	Cái	1	300.000	300.000
53	Hệ thống xếp hàng tự động	Hệ thống	1	100.000	100.000
54	Hệ thống xếp hàng tự động	Hệ thống	1	100.000	100.000
55	Hệ thống báo cháy tự động kho trên	Hệ thống	1	2.000	2.000
56	Hệ thống báo cháy tự động kho dưới	Hệ thống	1	2.000	2.000
57	Hệ thống máy bơm chữa cháy	Hệ thống	1	200.000	200.000
58	Hệ thống báo cháy tự động 29BCD	Hệ thống	1	2.000	2.000
59	Hệ thống báo cháy	Hệ thống	1	2.000	2.000
60	Máy bơm chữa cháy Tohatsu V50BS	Cái	1	200.000	200.000
61	Máy đếm tiền loại đứng (tàng)	Cái	1	30.000	30.000
62	Máy đếm tiền Cmico (Phòng NQ)	Cái	1	30.000	30.000
63	Máy đếm tiền Cmico (Phòng HD)	Cái	1	30.000	30.000
64	Máy đếm tiền Cmico 265	Cái	1	30.000	30.000
65	Máy đếm tiền, phân loại tiền ATM Xinda 2188B	Cái	1	30.000	30.000
66	Máy đếm tiền, phân loại tiền ATM Xinda 2188B	Cái	1	30.000	30.000
67	Máy kiểm đếm VA phân loại tiền Glory USF-100	Cái	1	30.000	30.000
68	Máy kiểm đếm VA phân loại tiền	Cái	1	30.000	30.000
69	Máy kiểm đếm VA phân loại tiền	Cái	1	30.000	30.000
70	Bàn nâng Pallet 500kg	Cái	1	100.000	100.000
71	Ghế sofa	Bộ	1	15.000	15.000
72	Ghế sofa	Bộ	1	15.000	15.000
73	Ghế sofa tiếp khách 3 chỗ - lầu 2	Cái	1	15.000	15.000
74	Ghế sofa cho khu vực Digital LAB	Cái	1	15.000	15.000
75	Ghế sofa cho khu vực Digital LAB	Cái	1	15.000	15.000
76	Bàn Phó Giám đốc	Cái	1	15.000	15.000
77	Bàn tiếp khách	Cái	1	15.000	15.000
78	Bàn Phó Giám đốc	Cái	1	15.000	15.000
79	Bàn Phó Giám đốc	Cái	1	15.000	15.000
80	Bàn họp	Cái	1	20.000	20.000
81	Bàn Phó Giám đốc - lầu 5	Cái	1	15.000	15.000
82	Bàn họp	Cái	1	20.000	20.000
83	Bàn họp	Cái	1	20.000	20.000
84	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
85	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
86	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
87	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
88	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
89	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
90	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
91	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
92	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
93	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
94	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
95	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
96	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
97	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
98	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
99	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
100	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
101	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
102	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
103	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
104	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
105	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
106	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
107	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
108	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
109	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
110	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
111	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
112	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
113	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
114	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
115	Quầy giao dịch PGD5	Cái	1	15.000	15.000
116	Tủ cao phòng Phó Giám đốc (loại lớn)	Cái	1	5.000	5.000
117	Máy phát điện Komatsu	Cái	1	500.000	500.000
118	Máy phát điện model YMB9.0TE	Cái	1	500.000	500.000
119	Máy phát điện HG15000SDX trần	Cái	1	500.000	500.000
120	Máy phát điện HG15000SDX trần	Cái	1	500.000	500.000
121	Máy phát điện HG15000TDX	Cái	1	500.000	500.000
122	Trạm biến thế 400 KVA	Bộ	1	1.000.000	1.000.000
II	Công cụ lao động				110.897.000
1	Xe Honda Cub 81 (P.THE)	Cái	1	1.000.000	1.000.000
2	Xe Honda Cub 50/94 QI	Cái	1	1.000.000	1.000.000
3	Xe Honda 53X2-0242	Cái	1	1.000.000	1.000.000
4	Máy fax Fuji Xerox WC3210	Cái	1	50.000	50.000
5	Máy fax đa chức năng Fuji Xerox M285Z	Cái	1	50.000	50.000
6	Máy fax Fuji Xerox WC 3210	Cái	1	50.000	50.000
7	Máy fax Fuji Xerox WC3210	Cái	1	50.000	50.000
8	Máy fax Fuji Xerox Work Centre 3210	Cái	1	50.000	50.000
9	Máy fax đa chức năng Fuji Xerox Docuprint M265Z	Cái	1	50.000	50.000
10	Máy fax Fuji Xerox WC 3210	Cái	1	50.000	50.000
11	Máy fax Máy Fuji Xerox Work Centre 3210	Cái	1	50.000	50.000
12	Máy fax Fuji Xerox Docuprint M265Z	Cái	1	50.000	50.000
13	Máy fax WC3210	Cái	1	50.000	50.000
14	Máy fax WC 3210	Cái	1	50.000	50.000
15	Máy fax Fuji Xerox Docuprint M225Z	Cái	1	50.000	50.000
16	Máy fax đa chức năng Fuji Xerox Docuprint M225Z	Cái	1	50.000	50.000
17	Máy fax Canon L220	Cái	1	50.000	50.000
18	Máy fax Canon L220	Cái	1	50.000	50.000
19	Máy fax Canon L220	Cái	1	50.000	50.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
20	Máy fax Canon L220	Cái	1	50.000	50.000
21	Máy fax Canon L220	Cái	1	50.000	50.000
22	Máy fax Canon L220	Cái	1	50.000	50.000
23	Máy fax Canon L220	Cái	1	50.000	50.000
24	Máy fax Canon	Cái	1	50.000	50.000
25	Máy fax Canon L220	Cái	1	50.000	50.000
26	Máy fax+ in HP LJ3055	Cái	1	50.000	50.000
27	Máy fax Canon L220	Cái	1	50.000	50.000
28	Máy fax Ricoh 1140L	Cái	1	50.000	50.000
29	Máy fax Xerox PHASER 3200MFP	Cái	1	50.000	50.000
30	Máy fax Xerox PHASER 3200	Cái	1	50.000	50.000
31	Máy fax WC 3210	Cái	1	50.000	50.000
32	Máy fax Panasinic KX-MB2030	Cái	1	50.000	50.000
33	Máy fax Panasinic KX-MB2030	Cái	1	50.000	50.000
34	Máy fax Canon L240	Cái	1	50.000	50.000
35	Máy fax Ricoh 1190L	Cái	1	50.000	50.000
36	Máy fax WC3210	Cái	1	50.000	50.000
37	Máy fax Ricoh 1140L	Cái	1	50.000	50.000
38	Máy fax Canon L220	Cái	1	50.000	50.000
39	Máy fax Ricoh 1190L	Cái	1	50.000	50.000
40	Máy fax đa chức năng Fuji Xerox Docuprint M225Z	Cái	1	50.000	50.000
41	Máy fax 1140L	Cái	1	50.000	50.000
42	Máy fax Fuji Xerox Docuprint M225Z	Cái	1	50.000	50.000
43	Máy fax Canon L220-211DKHOI	Cái	1	50.000	50.000
44	Máy fax đa chức năng Fuji Xerox M285Z	Cái	1	50.000	50.000
45	Điện thoại di động Nokia 720	Cái	1	30.000	30.000
46	Điện thoại di động HTC One A9	Cái	1	30.000	30.000
47	Điện thoại Sam Sung Galaxy S8 Plus	Cái	1	30.000	30.000
48	Điện thoại di động (A HAU)	Cái	1	30.000	30.000
49	Điện thoại Iphone 14 Pro	Cái	1	30.000	30.000
50	Camera hồng ngoại	Cái	1	1.000	1.000
51	Camera Secupointer Spirh-50H	Cái	1	1.000	1.000
52	Camera Secupointer Spirh-50H	Cái	1	1.000	1.000
53	Camera Secupointer Spirh-50H	Cái	1	1.000	1.000
54	Camera Secupointer Spirh-50H	Cái	1	1.000	1.000
55	Camera Secupointer Spirh-50H	Cái	1	1.000	1.000
56	Camera Secupointer Spirh-50H	Cái	1	1.000	1.000
57	Camera Secupointer Spirh-50H	Cái	1	1.000	1.000
58	Camera màu	Cái	1	1.000	1.000
59	Camera màu	Cái	1	1.000	1.000
60	Camera màu	Cái	1	1.000	1.000
61	Camera màu	Cái	1	1.000	1.000
62	Camera màu	Cái	1	1.000	1.000
63	Camera màu HI Sharp	Cái	1	1.000	1.000
64	Camera màu HI Sharp	Cái	1	1.000	1.000
65	Máy bộ đàm cầm tay Icom IC-F4032T UHF	Cái	1	5.000	5.000
66	Máy bộ đàm cầm tay Icom IC-F4032T UHF	Cái	1	5.000	5.000
67	Máy bộ đàm cầm tay Icom IC-F4032T UHF	Cái	1	5.000	5.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
68	Máy bộ đàm cầm tay Icom IC-F4032T UHF	Cái	1	5.000	5.000
69	Máy bộ đàm cầm tay Icom IC-F4032T UHF	Cái	1	5.000	5.000
70	Máy bộ đàm Vertex FT-250R	Cái	1	5.000	5.000
71	Máy bộ đàm Vertex FT-250R	Cái	1	5.000	5.000
72	Máy bộ đàm Vertex FT-250R	Cái	1	5.000	5.000
73	Máy bộ đàm Vertex FT-250R	Cái	1	5.000	5.000
74	Máy bộ đàm Vertex FT-250R	Cái	1	5.000	5.000
75	Máy bộ đàm cầm tay Vertex-231	Cái	1	5.000	5.000
76	Máy bộ đàm cầm tay Vertex-231	Cái	1	5.000	5.000
77	Máy bộ đàm cầm tay Vertex-231	Cái	1	5.000	5.000
78	Máy bộ đàm cầm tay Vertex-231	Cái	1	5.000	5.000
79	Mixer PMC 1202(Phonic)	Cái	1	10.000	10.000
80	Bộ ghi hình KTS 16 kênh	Bộ	1	30.000	30.000
81	Máy huỷ giấy RSS 1830	Cái	1	30.000	30.000
82	Máy huỷ tài liệu Silicon PS-880C	Cái	1	30.000	30.000
83	Máy huỷ giấy GBC 31 CDX	Cái	1	30.000	30.000
84	Máy huỷ giấy GBC-31	Cái	1	30.000	30.000
85	Máy huỷ giấy GBC-31	Cái	1	30.000	30.000
86	Máy huỷ giấy tin dung	Cái	1	30.000	30.000
87	Máy huỷ giấy EBA-22S	Cái	1	30.000	30.000
88	Máy huỷ giấy PS70-2	Cái	1	30.000	30.000
89	Máy huỷ giấy Dino Plus	Cái	1	30.000	30.000
90	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
91	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
92	Máy huỷ giấy RSS 1830	Cái	1	30.000	30.000
93	Máy huỷ giấy GBC RSS 1830	Cái	1	30.000	30.000
94	Máy huỷ giấy GBC RSS 1830	Cái	1	30.000	30.000
95	Máy huỷ giấy GBC 31 CDX	Cái	1	30.000	30.000
96	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
97	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
98	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
99	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
100	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
101	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
102	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
103	Máy huỷ giấy Bingo 168	Cái	1	30.000	30.000
104	Máy huỷ giấy Bingo 168 CD1	Cái	1	30.000	30.000
105	Máy huỷ giấy Bingo 168 CD1	Cái	1	30.000	30.000
106	Máy huỷ giấy Bingo 168-CD1	Cái	1	30.000	30.000
107	Máy huỷ giấy Bingo 168 CD1	Cái	1	30.000	30.000
108	Máy huỷ giấy Bingo Elegant	Cái	1	30.000	30.000
109	Máy huỷ giấy Bingo Elegant	Cái	1	30.000	30.000
110	Máy huỷ giấy Bingo CD1	Cái	1	30.000	30.000
111	Máy huỷ giấy Bingo CD1	Cái	1	30.000	30.000
112	Máy huỷ giấy Bingo Elegant	Cái	1	30.000	30.000
113	Máy huỷ giấy Bingo Elegant	Cái	1	30.000	30.000
114	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
115	Máy huỷ giấy EBA 1124	Cái	1	30.000	30.000
116	Máy huỷ giấy	Cái	1	30.000	30.000
117	Máy huỷ giấy Bingo Elegant	Cái	1	30.000	30.000
118	Màn chiếu điện 150"	Cái	1	0	0

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
119	Màn chiếu điện 120 inch(96X72)	Cái	1	0	0
120	Màn chiếu điện	Cái	1	0	0
121	Máy chiếu Viewsonic PJD5133S	Cái	1	5.000	5.000
122	Máy chiếu Panasinic PT-VX400EA	Cái	1	5.000	5.000
123	Máy chiếu Panasinic PT-VX415NZ	Cái	1	5.000	5.000
124	Máy chụp hình KTS W5 song	Cái	1	5.000	5.000
125	Máy ảnh Nikon 8008	Cái	1	5.000	5.000
126	Máy ảnh KTS Nikon D90	Cái	1	5.000	5.000
127	Máy ảnh KTS SonyW130- đen	Cái	1	5.000	5.000
128	Máy ảnh KTS SonyW220	Cái	1	5.000	5.000
129	Máy lạnh Daikin 1 HP	Cái	1	200.000	200.000
130	Máy lạnh	Cái	1	200.000	200.000
131	Máy lạnh Daikin 1HP	Cái	1	200.000	200.000
132	Máy lạnh Daikin 1,0 HP	Cái	1	200.000	200.000
133	Máy điều hoà Toshiba 1,5HF	Cái	1	200.000	200.000
134	Máy lạnh Daikin 1,0 HP	Cái	1	200.000	200.000
135	Máy điều hoà Toshiba 1,5HF	Cái	1	200.000	200.000
136	Máy lạnh	Cái	1	200.000	200.000
137	Máy lạnh	Cái	1	200.000	200.000
138	Máy lạnh Carrier 1HP(ATM 29BCD)	Cái	1	200.000	200.000
139	Máy lạnh Carrier 1HP(ATM NHTV)	Cái	1	200.000	200.000
140	Máy lạnh Carrier 1HP(ATM CN TB	Cái	1	200.000	200.000
141	Máy lạnh Carrier 1 HP	Cái	1	200.000	200.000
142	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
143	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
144	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
145	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
146	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
147	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
148	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
149	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
150	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
151	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
152	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
153	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
154	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
155	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
156	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
157	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
158	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
159	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
160	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
161	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
162	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
163	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
164	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
165	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
166	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
167	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
168	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
169	Máy lạnh Carrier 1,5HP NK83	Cái	1	200.000	200.000
170	Máy lạnh Carrier 1HP (Máy ATM)	Cái	1	200.000	200.000
171	Máy điều hoà 1HP	Cái	1	200.000	200.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
172	Máy điều hoà 1HP	Cái	1	200.000	200.000
173	Máy lạnh Carrier 1,5HP-ATM aPhu	Cái	1	200.000	200.000
174	Máy lạnh Carrier 1HP-ATM Bia VN	Cái	1	200.000	200.000
175	Máy lạnh Carrier 1HP ATM 464 NK	Cái	1	200.000	200.000
176	Máy lạnh Carrier 1HP ATM 464 NK	Cái	1	200.000	200.000
177	Máy lạnh Carrier 1HP ATM 181PDL	Cái	1	200.000	200.000
178	Quạt chắn gió FM 4009 HY-09M	Cái	1	15.000	15.000
179	Quạt chắn gió FM 4009 HY-0.6M	Cái	1	15.000	15.000
180	Máy lạnh 1,5HP-ATM Cty tem VN	Cái	1	200.000	200.000
181	Máy lạnh	Cái	1	200.000	200.000
182	Máy lạnh	Cái	1	200.000	200.000
183	Máy lạnh Panasinic	Cái	1	200.000	200.000
184	Máy lạnh Carrier 1HP-Dhkt	Cái	1	200.000	200.000
185	Máy lạnh Daikin 1,5HP	Cái	1	200.000	200.000
186	Máy lạnh Daikin 1,5HP	Cái	1	200.000	200.000
187	Máy lạnh Daikin 1HP	Cái	1	200.000	200.000
188	Máy lạnh 1 HP	Cái	1	200.000	200.000
189	Máy lạnh Daikin 1,5HP Legamex	Cái	1	200.000	200.000
190	Máy lạnh Daikin 1,5HP	Cái	1	200.000	200.000
191	Máy điều hoà General	Cái	1	200.000	200.000
192	Máy lạnh Carrier 2HP NK83TQT	Cái	1	200.000	200.000
193	Máy lạnh Daikin 2.5HP	Cái	1	200.000	200.000
194	Máy lạnh Daikin 2.5HP	Cái	1	200.000	200.000
195	Máy lạnh Daikin FTKD50BVM	Cái	1	200.000	200.000
196	Máy lạnh Daikin 2HP	Cái	1	200.000	200.000
197	Máy lạnh Daikin 2.5HP	Cái	1	200.000	200.000
198	Máy lạnh Daikin 2.5HP	Cái	1	200.000	200.000
199	Máy lạnh Carrier 2HP	Cái	1	200.000	200.000
200	Máy lạnh Daikin 2.5HP	Cái	1	200.000	200.000
201	Máy lạnh Daikin 2.5HP	Cái	1	200.000	200.000
202	Máy lạnh Daikin 2.5HP	Cái	1	200.000	200.000
203	Máy lạnh Daikin 2.5HP	Cái	1	200.000	200.000
204	Máy lạnh Daikin 2.5HP	Cái	1	200.000	200.000
205	Thiết bị lạnh FCU	Cái	1	200.000	200.000
206	Máy lạnh Daikin 2.5HP	Cái	1	200.000	200.000
207	Máy lạnh Daikin 1HP	Cái	1	200.000	200.000
208	Máy lạnh Daikin 1,5HP FTNE35MV1V9/RNE35MV1V9	Cái	1	200.000	200.000
209	Máy lọc không khí Hitachi EP-A9000 240	Cái	1	30.000	30.000
210	Máy lọc không khí Hitachi EP-A900 240	Cái	1	30.000	30.000
211	Tivi LCD SonyKLV-40BX420 ME6	Cái	1	200.000	200.000
212	Tivi Samsung 29 inch-Slimfit	Cái	1	200.000	200.000
213	Tivi LCD Toshiba 32 IN	Cái	1	200.000	200.000
214	Tivi LCD LG -BE	Cái	1	200.000	200.000
215	Tivi LCD LG -BVE	Cái	1	200.000	200.000
216	Màn hình LCD Viewsonic 19"VA926	Cái	1	200.000	200.000
217	Màn hình LCD Viewsonic 19"VA926	Cái	1	200.000	200.000
218	Tivi LCD Sony320X320	Cái	1	200.000	200.000
219	Tivi SonyLCD	Cái	1	200.000	200.000
220	Tivi LCD LG42CS460	Cái	1	200.000	200.000
221	Tivi LCD Sony	Cái	1	200.000	200.000
222	Tivi LCD Sony40V300A	Cái	1	200.000	200.000
223	Tivi LCD Sony40V300A	Cái	1	200.000	200.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
224	Tivi LCD Sony40V300A	Cái	1	200.000	200.000
225	Tivi LCD Toshiba 32 IN	Cái	1	200.000	200.000
226	Tivi LCD Toshiba 32 inch	Cái	1	200.000	200.000
227	Tivi LCD Toshiba 32 IN	Cái	1	200.000	200.000
228	Tivi LCD LG 42CS460	Cái	1	200.000	200.000
229	Tivi LCD Sony40 inch	Cái	1	200.000	200.000
230	Tivi LCD LED LG 42	Cái	1	200.000	200.000
231	Tivi LCD LG 32 IN LD330	Cái	1	200.000	200.000
232	Thiết bị ghi âm	Cái	1	2.000	2.000
233	Loa âm thanh Bose Soundlink	Cái	1	10.000	10.000
234	Ampli California 2 đường	Cái	1	10.000	10.000
235	Loa vi tính T40	Cái	1	10.000	10.000
236	Ampli PWA 2200 (Phonic)	Cái	1	10.000	10.000
237	Máy khoan chứng từ DS	Cái	1	30.000	30.000
238	Máy đóng chứng từ DS 98	Cái	1	30.000	30.000
239	Máy đóng chứng từ DS98	Cái	1	30.000	30.000
240	Máy khoan chứng từ	Cái	1	30.000	30.000
241	Máy khoan chứng từ DS	Cái	1	30.000	30.000
242	Máy đóng chứng từ DS 98	Cái	1	30.000	30.000
243	Máy đóng chứng từ DS98	Cái	1	30.000	30.000
244	Máy khoan chứng từ	Cái	1	30.000	30.000
245	Máy khoan chứng từ	Cái	1	30.000	30.000
246	Máy đóng chứng từ Tủ đóng PNK	Cái	1	30.000	30.000
247	Máy khoan chứng từ DS(TQ)	Cái	1	30.000	30.000
248	Máy khoan chứng từ DS-TQ	Cái	1	30.000	30.000
249	Máy đóng chứng từ DS-TQ	Cái	1	30.000	30.000
250	Máy khoan điện Bosch 2-26DFR	Cái	1	30.000	30.000
251	Thiết bị phát nhạc chờ	Cái	1	20.000	20.000
252	Máy hút bụi Hong My	Cái	1	10.000	10.000
253	Máy đóng sách (phòng photo)	Cái	1	30.000	30.000
254	Máy hút bụi Panasinic-13 KD	Cái	1	10.000	10.000
255	Máy ép Plastic	Cái	1	5.000	5.000
256	Một bộ máy chữa cháy	Bộ	1	2.000	2.000
257	Máy đóng chứng từ DS	Cái	1	30.000	30.000
258	Máy đóng chứng từ DS	Cái	1	30.000	30.000
259	Máy hút bụi Shimono SVC1017	Cái	1	10.000	10.000
260	Máy đóng chứng từ DS-98	Cái	1	30.000	30.000
261	Máy đóng chứng từ DS-TQ	Cái	1	30.000	30.000
262	Máy thở oxy	Cái	1	20.000	20.000
263	Máy thở oxy	Cái	1	20.000	20.000
264	Máy thở oxy	Cái	1	20.000	20.000
265	Máy thở oxy	Cái	1	20.000	20.000
266	Máy thở oxy	Cái	1	20.000	20.000
267	Máy thở oxy	Cái	1	20.000	20.000
268	Máy thở oxy	Cái	1	20.000	20.000
269	Máy thở oxy	Cái	1	20.000	20.000
270	Máy thở oxy	Cái	1	20.000	20.000
271	Máy thở oxy	Cái	1	20.000	20.000
272	Máy đóng chứng từ	Cái	1	30.000	30.000
273	Máy khoan chứng từ DS98	Cái	1	30.000	30.000
274	Máy đóng chứng từ DS98	Cái	1	30.000	30.000
275	Máy in mã vạch	Cái	1	10.000	10.000
276	Máy đếm tiền XD-Super BC28	Cái	1	30.000	30.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
277	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
278	Máy đếm tiền XD-Super BC28	Cái	1	30.000	30.000
279	Máy đếm tiền XD-Super BC28	Cái	1	30.000	30.000
280	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
281	Máy đếm tiền Xinda Super BC35	Cái	1	30.000	30.000
282	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
283	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
284	Máy bỏ tiền XD 2000	Cái	1	30.000	30.000
285	Máy đếm tiền Xinda Super BC35	Cái	1	30.000	30.000
286	Máy đếm tiền Xinda Super BC 35	Cái	1	30.000	30.000
287	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
288	Máy đếm tiền XD Super BC 31	Cái	1	30.000	30.000
289	Máy bỏ tiền XD 2000	Cái	1	30.000	30.000
290	Máy đếm tiền Xinda Super BC35	Cái	1	30.000	30.000
291	Máy đếm tiền Xinda Super BC 35	Cái	1	30.000	30.000
292	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
293	Máy đếm tiền XD Super BC 31	Cái	1	30.000	30.000
294	Máy đếm tiền Xinda	Cái	1	30.000	30.000
295	Máy đếm tiền Xinda 2166L	Cái	1	30.000	30.000
296	Máy đếm tiền Xinda	Cái	1	30.000	30.000
297	Máy đếm tiền Xinda 2166L	Cái	1	30.000	30.000
298	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
299	Máy đếm tiền Xinda	Cái	1	30.000	30.000
300	Máy đếm tiền Xinda Super BC 35	Cái	1	30.000	30.000
301	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
302	Máy bỏ tiền	Cái	1	30.000	30.000
303	Máy đếm tiền XD BC 31	Cái	1	30.000	30.000
304	Máy bỏ tiền	Cái	1	30.000	30.000
305	Máy đếm tiền XD-Super BC28	Cái	1	30.000	30.000
306	Máy đếm tiền XD Super BC28	Cái	1	30.000	30.000
307	Máy đếm tiền Xinda 2500	Cái	1	30.000	30.000
308	Máy đếm tiền Xinda Super BC-35	Cái	1	30.000	30.000
309	Máy đếm tiền XD Super BC28	Cái	1	30.000	30.000
310	Máy đếm tiền Xinda 2500	Cái	1	30.000	30.000
311	Máy đếm tiền Xinda Super BC-35	Cái	1	30.000	30.000
312	Máy đếm tiền XD 1000J	Cái	1	30.000	30.000
313	Máy đếm tiền	Cái	1	30.000	30.000
314	Máy đếm tiền Xinda 2500	Cái	1	30.000	30.000
315	Máy đếm tiền Xinda Super BC-35	Cái	1	30.000	30.000
316	Máy đếm tiền XD 1000J	Cái	1	30.000	30.000
317	Máy đếm tiền	Cái	1	30.000	30.000
318	Máy đếm tiền Xinda Super BC-35	Cái	1	30.000	30.000
319	Máy đếm tiền XD-0181	Cái	1	30.000	30.000
320	Máy đếm tiền Xinda Super BC-35	Cái	1	30.000	30.000
321	Máy đếm tiền XD-0181	Cái	1	30.000	30.000
322	Máy đếm tiền Xinda Super BC 35	Cái	1	30.000	30.000
323	Máy đếm tiền Xinda Super BC 35	Cái	1	30.000	30.000
324	Máy đếm tiền Xinda Super BC - 28F	Cái	1	30.000	30.000
325	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
326	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
327	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
328	Máy ép bạc TQ tiết kiệm	Cái	1	20.000	20.000
329	Máy ép bạc ZD-93 TQ	Cái	1	20.000	20.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
330	Máy đếm tiền XD 2008A	Cái	1	30.000	30.000
331	Máy đếm tiền XD 2008A	Cái	1	30.000	30.000
332	Máy đếm tiền XD 2008A	Cái	1	30.000	30.000
333	Máy bỏ tiền ZD93	Cái	1	30.000	30.000
334	Máy đếm tiền XD2006A	Cái	1	30.000	30.000
335	Máy đếm tiền XD2006A	Cái	1	30.000	30.000
336	Máy đếm tiền XD2006A	Cái	1	30.000	30.000
337	Máy đếm tiền XD1000JA	Cái	1	30.000	30.000
338	Máy đếm tiền XD1000JA	Cái	1	30.000	30.000
339	Máy đếm tiền XD2006A	Cái	1	30.000	30.000
340	Máy đếm tiền XD2006F	Cái	1	30.000	30.000
341	Máy đếm tiền XD 2006F	Cái	1	30.000	30.000
342	Máy đếm tiền XD BC19	Cái	1	30.000	30.000
343	Máy đếm tiền XD BC19	Cái	1	30.000	30.000
344	Máy đếm tiền	Cái	1	30.000	30.000
345	Máy đếm tiền XD-1000F	Cái	1	30.000	30.000
346	Máy đếm tiền XD-1000F	Cái	1	30.000	30.000
347	Máy đếm tiền XD-1000F	Cái	1	30.000	30.000
348	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000
349	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000
350	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000
351	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000
352	Máy bỏ tiền	Cái	1	30.000	30.000
353	Máy bỏ tiền	Cái	1	30.000	30.000
354	Máy đếm tiền XD Super BC21F	Cái	1	30.000	30.000
355	Máy đếm tiền XD Super BC21F	Cái	1	30.000	30.000
356	Máy đếm tiền XD Super BC21F	Cái	1	30.000	30.000
357	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000
358	Máy đếm tiền XD BC21	Cái	1	30.000	30.000
359	Máy đếm tiền XD BC21	Cái	1	30.000	30.000
360	Máy đếm tiền XD BC21	Cái	1	30.000	30.000
361	Máy đếm tiền XD BC21	Cái	1	30.000	30.000
362	Máy đếm tiền XD Super BC21F	Cái	1	30.000	30.000
363	Máy bỏ tiền XD-2000	Cái	1	30.000	30.000
364	Máy đếm tiền XD-Super BC21F	Cái	1	30.000	30.000
365	Máy đếm tiền XD-Super BC21F	Cái	1	30.000	30.000
366	Máy đếm tiền XD-Super BC21F	Cái	1	30.000	30.000
367	Đèn soi tiền Argus (Duc) tiết kiệm	Cái	1	20.000	20.000
368	Đèn soi tiền Argus (Duc) THE	Cái	1	20.000	20.000
369	Đèn soi tiền Argus (Duc) NQ	Cái	1	20.000	20.000
370	Đèn cực tím Argus (Duc)	Cái	1	20.000	20.000
371	Đèn soi tiền Argus (Duc)	Cái	1	20.000	20.000
372	Máy kiểm tra dollar thật giả	Cái	1	30.000	30.000
373	Máy kiểm tra dollar thật giả	Cái	1	30.000	30.000
374	Máy kiểm tra dollar thật giả	Cái	1	30.000	30.000
375	Máy bỏ bạc	Cái	1	30.000	30.000
376	Máy kiểm đếm Dollar-magner	Cái	1	30.000	30.000
377	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
378	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
379	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
380	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
381	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
382	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
383	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
384	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
385	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
386	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
387	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
388	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
389	Máy đếm tiền Xinda BC 35F	Cái	1	30.000	30.000
390	Máy bỏ tiền DK93	Cái	1	30.000	30.000
391	Máy đếm tiền XD 0181	Cái	1	30.000	30.000
392	Máy đếm tiền XD 0181	Cái	1	30.000	30.000
393	Máy đếm tiền XD 2000	Cái	1	30.000	30.000
394	Máy đếm tiền TD -5CR(TQ)	Cái	1	30.000	30.000
395	Máy đếm tiền khí nén XD037	Cái	1	30.000	30.000
396	Máy đếm tiền XD Super BC 31	Cái	1	30.000	30.000
397	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
398	Máy bỏ tiền XD2000	Cái	1	30.000	30.000
399	Máy đếm tiền XD- Super BC28	Cái	1	30.000	30.000
400	Máy đếm tiền	Cái	1	30.000	30.000
401	Máy đếm tiền	Cái	1	30.000	30.000
402	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000
403	Máy bỏ tiền	Cái	1	30.000	30.000
404	Máy đếm tiền	Cái	1	30.000	30.000
405	Máy ép bạc ZD-93	Cái	1	20.000	20.000
406	Máy đếm tiền Xinda -BC	Cái	1	30.000	30.000
407	Máy đếm tiền Xinda -BC	Cái	1	30.000	30.000
408	Máy đếm tiền XD2006F	Cái	1	30.000	30.000
409	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000
410	Máy ép bạc ZD-93 TQ	Cái	1	20.000	20.000
411	Máy đếm tiền Xinda BC35F	Cái	1	30.000	30.000
412	Máy đếm tiền Xinda BC35F	Cái	1	30.000	30.000
413	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
414	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
415	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
416	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
417	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
418	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
419	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
420	Máy đếm tiền XD-0181	Cái	1	30.000	30.000
421	Máy đếm tiền XD2006F	Cái	1	30.000	30.000
422	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
423	Máy đếm tiền Xinda Super BC35	Cái	1	30.000	30.000
424	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
425	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000
426	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000
427	Máy đếm tiền Xinda BC35F	Cái	1	30.000	30.000
428	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
429	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
430	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
431	Máy đếm tiền khí nén XD037	Cái	1	30.000	30.000
432	Máy đếm tiền Xinda Super BC35	Cái	1	30.000	30.000
433	Máy đếm tiền Xinda Super BC 35	Cái	1	30.000	30.000
434	Máy đếm tiền Xinda Super BC35F	Cái	1	30.000	30.000
435	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
436	Máy đếm tiền Xinda BC35F	Cái	1	30.000	30.000
437	Máy đếm tiền Xinda BC35F	Cái	1	30.000	30.000
438	Máy đếm tiền XD-Super BC21	Cái	1	30.000	30.000
439	Máy đếm tiền Xinda Super BC35	Cái	1	30.000	30.000
440	Máy đếm tiền khí nén XD037	Cái	1	30.000	30.000
441	Máy đếm tiền Xinda Super BC-28F	Cái	1	30.000	30.000
442	Máy đếm tiền XD Super BC-28	Cái	1	30.000	30.000
443	Máy đếm tiền XD 2000	Cái	1	30.000	30.000
444	Máy bó tiền ZD93	Cái	1	30.000	30.000
445	Máy đếm tiền XD2006A	Cái	1	30.000	30.000
446	Máy bó tiền DK93	Cái	1	30.000	30.000
447	Máy bó tiền XD - 2000	Cái	1	30.000	30.000
448	Máy bó tiền DK93	Cái	1	30.000	30.000
449	Máy đếm tiền Xinda Super BC35	Cái	1	30.000	30.000
450	Máy đếm tiền Xinda 0181	Cái	1	30.000	30.000
451	Máy đếm tiền CMC - 02A	Cái	1	30.000	30.000
452	Máy đếm tiền CMC - 02A	Cái	1	30.000	30.000
453	Kết sắt Leeco SD	Cái	1	50.000	50.000
454	Kết sắt Leeco SST	Cái	1	50.000	50.000
455	Kết sắt nhỏ	Cái	1	50.000	50.000
456	Kết sắt TSN	Cái	1	50.000	50.000
457	Kết sắt KS.850 P.Tin dung	Cái	1	50.000	50.000
458	Kết sắt KS.1000	Cái	1	50.000	50.000
459	Kết sắt thùng xe	Cái	1	50.000	50.000
460	Kết sắt VDH1-55C(C.NGA PGD)	Cái	1	50.000	50.000
461	Kết sắt NH-1000	Cái	1	50.000	50.000
462	Kết sắt VP-650 (VP065-23)	Cái	1	50.000	50.000
463	Kết sắt VDHI-55 a.Tuan PGD	Cái	1	50.000	50.000
464	Kết sắt VDH I -120	Cái	1	50.000	50.000
465	Kết sắt VDHI-100	Cái	1	50.000	50.000
466	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
467	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
468	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
469	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
470	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
471	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
472	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
473	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
474	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
475	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
476	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
477	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
478	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
479	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
480	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
481	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
482	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
483	Bảng hiển thị số tiền	Cái	1	1.000	1.000
484	Mặt số rời Zhongchao Xinda	Cái	1	1.000	1.000
485	Mặt số rời Zhongchao Xinda	Cái	1	1.000	1.000
486	Mặt số rời bản lớn	Cái	1	1.000	1.000
487	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
488	Ghế sofa 1 chỗ tiếp khách	Cái	1	10.000	10.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
489	Ghế sofa 1 chỗ tiếp khách	Cái	1	10.000	10.000
490	Ghế sofa 1 chỗ tiếp khách	Cái	1	10.000	10.000
491	Ghế sofa 1 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
492	Ghế sofa 1 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
493	Ghế sofa 1 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
494	Ghế sofa 1 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
495	Ghế sofa 1 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
496	Ghế sofa 1 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
497	Sofa 1 chỗ ngồi	Cái	1	10.000	10.000
498	Sofa 1 chỗ ngồi	Cái	1	10.000	10.000
499	Ghế sofa (1 Bàn trà + 6 Ghế)	Cái	1	10.000	10.000
500	Sofa 1 chỗ ngồi	Cái	1	10.000	10.000
501	Ghế sofa 2 chỗ 850X800X400	Cái	1	10.000	10.000
502	Ghế sofa 2 chỗ 850X800X400	Cái	1	10.000	10.000
503	Ghế Sofa tiếp khách 1 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
504	Ghế Sofa tiếp khách 1 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
505	Ghế sofa 2 chỗ 1350X800X900	Cái	1	10.000	10.000
506	Ghế sofa 750X800X900	Cái	1	10.000	10.000
507	Bộ salon 5 món	Bộ	1	10.000	10.000
508	Ghế salon 3 chỗ 2000X800X780	Cái	1	10.000	10.000
509	Bộ sofa có tay 4 ghế 13KD	Bộ	1	10.000	10.000
510	Ghế salon đơn 800X800X770	Cái	1	10.000	10.000
511	Ghế salon đơn 800X800X770	Cái	1	10.000	10.000
512	Bộ sofa có tay 4 ghế L4 KD	Bộ	1	10.000	10.000
513	Bộ salon sơn mài (thu-no)	Bộ	1	15.000	15.000
514	Ghế sofa	Cái	1	15.000	15.000
515	Ghế sofa	Bộ	1	15.000	15.000
516	Sofa 2 chỗ ngồi	Cái	1	15.000	15.000
517	Bộ Ghế sofa tiếp khách 2 chỗ	Bộ	1	15.000	15.000
518	Bộ Ghế sofa tiếp khách 2 chỗ	Bộ	1	15.000	15.000
519	Ghế sofa lima + Kệ gỗ Vact 2848	Cái	1	15.000	15.000
520	Sofa 2 chỗ ngồi	Cái	1	15.000	15.000
521	Sofa 3 chỗ ngồi	Cái	1	10.000	10.000
522	Sofa tiếp khách	Cái	1	15.000	15.000
523	Sofa tiếp khách	Cái	1	15.000	15.000
524	Sofa 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
525	Sofa 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
526	Sofa Bed	Cái	1	15.000	15.000
527	Ghế sofa	Cái	1	10.000	10.000
528	Sofa bọc simili 1800x500x400	Cái	1	10.000	10.000
529	Sofa bọc simili 1800x500x400	Cái	1	10.000	10.000
530	Sofa bọc simili 1800x500x400	Cái	1	10.000	10.000
531	Sofa bọc simili 1800x500x400	Cái	1	10.000	10.000
532	Ghế salon đơn 850xX850x750	Cái	1	10.000	10.000
533	Ghế salon đơn 850xX850x750	Cái	1	10.000	10.000
534	Ghế salon đơn 850xX850x750	Cái	1	10.000	10.000
535	Ghế salon đơn 850xX850x750	Cái	1	10.000	10.000
536	Bộ sofa 3300x500x400H	Bộ	1	10.000	10.000
537	Bộ sofa 1500x500x400H	Bộ	1	10.000	10.000
538	Ghế sofa	Cái	1	10.000	10.000
539	Ghế salon 2040x780x780	Cái	1	10.000	10.000
540	Ghế salon 840x780x780	Cái	1	10.000	10.000
541	Ghế salon 840x780x780	Cái	1	10.000	10.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
542	Sofa 2 chỗ ngồi	Cái	1	15.000	15.000
543	Sofa 2 chỗ ngồi	Cái	1	15.000	15.000
544	Sofa 2 chỗ ngồi	Cái	1	15.000	15.000
545	Sofa 2 chỗ ngồi	Cái	1	15.000	15.000
546	Sofa 2 chỗ ngồi	Cái	1	15.000	15.000
547	Sofa 2 chỗ ngồi	Cái	1	15.000	15.000
548	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
549	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
550	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
551	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
552	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
553	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
554	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
555	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
556	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
557	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
558	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
559	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
560	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
561	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
562	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
563	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
564	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
565	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
566	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
567	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
568	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
569	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
570	Ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
571	Ghế sofa 1 chỗ 0,84x0,8x0,81	Cái	1	10.000	10.000
572	Ghế sofa 1 chỗ 0,84x0,8x0,81	Cái	1	10.000	10.000
573	Sofa bọc simili	Cái	1	10.000	10.000
574	Sofa bọc simili 1400x500x400	Cái	1	10.000	10.000
575	Sofa bọc simili 1400x500x400	Cái	1	10.000	10.000
576	Sofa bọc simili 1400x500x400	Cái	1	10.000	10.000
577	Sofa bọc simili 1400x500x400	Cái	1	10.000	10.000
578	Sofa tiếp khách 1 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
579	Sofa tiếp khách 1 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
580	Ghế chờ 2 chỗ SF2A	Cái	1	10.000	10.000
581	Ghế chờ 2 chỗ SF2A	Cái	1	10.000	10.000
582	Ghế chờ 2 chỗ SF2A	Cái	1	10.000	10.000
583	Ghế chờ 2 chỗ SF2A	Cái	1	10.000	10.000
584	Ghế chờ 2 chỗ SF2A	Cái	1	10.000	10.000
585	Ghế chờ 2 chỗ SF2A	Cái	1	10.000	10.000
586	Ghế chờ 2 chỗ SF2A	Cái	1	10.000	10.000
587	Ghế chờ 2 chỗ SF2A	Cái	1	10.000	10.000
588	Ghế chờ 2 chỗ SF2A	Cái	1	10.000	10.000
589	Ghế chờ 2 chỗ SF2A	Cái	1	10.000	10.000
590	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
591	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
592	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
593	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
594	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
595	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
596	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
597	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
598	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
599	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
600	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
601	Ghế chờ 3 chỗ SF3A	Cái	1	15.000	15.000
602	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
603	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
604	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
605	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
606	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
607	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
608	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
609	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
610	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
611	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
612	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
613	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
614	Sofa 3 chỗ ngồi không tay	Cái	1	15.000	15.000
615	Sofa 1 chỗ ngồi	Cái	1	10.000	10.000
616	Sofa 1 chỗ ngồi	Cái	1	10.000	10.000
617	Sofa 3 chỗ ngồi	Cái	1	15.000	15.000
618	Sofa 2 chỗ không tay	Cái	1	15.000	15.000
619	Sofa 2 chỗ không tay	Cái	1	15.000	15.000
620	Sofa 3 chỗ không tay	Cái	1	15.000	15.000
621	Sofa 3 chỗ không tay	Cái	1	15.000	15.000
622	Sofa 3 chỗ không tay	Cái	1	15.000	15.000
623	Sofa 3 chỗ không tay	Cái	1	15.000	15.000
624	Sofa 3 chỗ không tay	Cái	1	15.000	15.000
625	Sofa 3 chỗ không tay	Cái	1	15.000	15.000
626	Bàn nhân viên MFC	Cái	1	15.000	15.000
627	Bàn phụ phó phòng	Cái	1	15.000	15.000
628	Bàn phụ	Cái	1	15.000	15.000
629	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
630	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
631	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
632	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
633	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
634	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
635	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
636	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
637	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
638	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
639	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
640	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
641	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
642	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
643	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
644	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
645	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
646	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
647	Bàn GD	Cái	1	15.000	15.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
648	Bàn nghỉ lái xe	Cái	1	15.000	15.000
649	Bàn phó phòng	Cái	1	15.000	15.000
650	Bàn nghỉ lái xe	Cái	1	15.000	15.000
651	Bàn phụ phó phòng	Cái	1	15.000	15.000
652	Bàn phụ phó phòng	Cái	1	15.000	15.000
653	Bàn phụ phó phòng	Cái	1	15.000	15.000
654	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
655	Bàn nghỉ kiểm đếm	Cái	1	15.000	15.000
656	Bàn nghỉ kiểm đếm	Cái	1	15.000	15.000
657	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
658	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
659	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
660	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
661	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
662	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
663	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
664	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
665	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
666	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
667	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
668	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
669	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
670	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
671	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
672	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
673	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
674	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
675	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
676	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
677	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
678	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
679	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
680	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
681	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
682	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
683	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
684	Bàn nước 1 navi - nhỏ	Cái	1	15.000	15.000
685	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
686	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
687	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
688	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
689	Bàn nước tròn	Cái	1	15.000	15.000
690	Bàn sảnh đếm	Cái	1	15.000	15.000
691	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
692	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
693	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
694	Bàn hoa	Cái	1	15.000	15.000
695	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
696	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
697	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
698	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
699	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
700	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
701	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
702	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
703	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
704	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
705	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
706	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
707	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
708	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
709	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
710	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
711	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
712	Bàn hoa	Cái	1	15.000	15.000
713	Bàn trà	Cái	1	15.000	15.000
714	Bàn hoa	Cái	1	15.000	15.000
715	Bàn phụ	Cái	1	15.000	15.000
716	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
717	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
718	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
719	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
720	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
721	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
722	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
723	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
724	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
725	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
726	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
727	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
728	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
729	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
730	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
731	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
732	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
733	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
734	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
735	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
736	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
737	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
738	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
739	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
740	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
741	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
742	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
743	Bàn nước khách chờ giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
744	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
745	Bàn nước tròn	Cái	1	15.000	15.000
746	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
747	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
748	Bàn hoa tròn	Cái	1	15.000	15.000
749	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
750	Bàn hoa tròn	Cái	1	15.000	15.000
751	Bàn hợp tròn	Cái	1	15.000	15.000
752	Bàn hợp tròn	Cái	1	15.000	15.000
753	Bàn hợp tròn	Cái	1	15.000	15.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
754	Bàn họp tròn	Cái	1	15.000	15.000
755	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
756	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
757	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
758	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
759	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
760	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
761	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
762	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
763	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
764	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
765	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
766	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
767	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
768	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
769	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
770	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
771	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
772	Ghế xoay nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
773	Ghế xoay TP (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
774	Bàn inox	Cái	1	15.000	15.000
775	Bàn in thẻ	Cái	1	15.000	15.000
776	Bàn inox	Cái	1	15.000	15.000
777	Bàn in thẻ	Cái	1	15.000	15.000
778	Bàn in bao co	Cái	1	15.000	15.000
779	Bàn inox (1600X1000X780)	Cái	1	15.000	15.000
780	Bàn inox	Cái	1	15.000	15.000
781	Bàn vuông	Cái	1	15.000	15.000
782	Ghế tiếp khách	Cái	1	25.000	25.000
783	Ghế tiếp khách	Cái	1	25.000	25.000
784	Ghế Phó Giám đốc	Cái	1	50.000	50.000
785	Ghế Phó Giám đốc	Cái	1	50.000	50.000
786	Ghế nhân viên lễ tân	Cái	1	50.000	50.000
787	Ghế nhân viên lễ tân	Cái	1	50.000	50.000
788	Ghế nhân viên lễ tân	Cái	1	50.000	50.000
789	Ghế nhân viên lễ tân	Cái	1	50.000	50.000
790	Ghế nhân viên lễ tân	Cái	1	50.000	50.000
791	Ghế cao ngồi quây	Cái	1	25.000	25.000
792	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
793	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
794	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
795	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
796	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
797	Ghế nghỉ lái xe	Cái	1	5.000	5.000
798	Ghế nghỉ lái xe	Cái	1	5.000	5.000
799	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
800	Ghế nghỉ lái xe	Cái	1	5.000	5.000
801	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
802	Ghế nghỉ lái xe	Cái	1	5.000	5.000
803	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
804	Ghế nghỉ lái xe	Cái	1	5.000	5.000
805	Ghế nghỉ lái xe	Cái	1	5.000	5.000
806	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
807	Ghế nghỉ lái xe	Cái	1	5.000	5.000
808	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
809	Ghế nghỉ lái xe	Cái	1	5.000	5.000
810	Ghế nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
811	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
812	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
813	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
814	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
815	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
816	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
817	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
818	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
819	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
820	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
821	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
822	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
823	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
824	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
825	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
826	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
827	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
828	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
829	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
830	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
831	Ghế hội trường loại xếp	Cái	1	50.000	50.000
832	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
833	Ghế hội trường loại xếp	Cái	1	50.000	50.000
834	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
835	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
836	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
837	Ghế làm việc - PGD	Cái	1	50.000	50.000
838	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
839	Ghế tiếp khách	Cái	1	25.000	25.000
840	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
841	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
842	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
843	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
844	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
845	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
846	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
847	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
848	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
849	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
850	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
851	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
852	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
853	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
854	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
855	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
856	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
857	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
858	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
859	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
860	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
861	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
862	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
863	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
864	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
865	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
866	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
867	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
868	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
869	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
870	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
871	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
872	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
873	Ghế phòng họp	Cái	1	20.000	20.000
874	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
875	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
876	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
877	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
878	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
879	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
880	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
881	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
882	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
883	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
884	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
885	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
886	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
887	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
888	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
889	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
890	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
891	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
892	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
893	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
894	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
895	Ghế nghỉ kiểm đếm	Cái	1	5.000	5.000
896	Ghế nghỉ kiểm đếm	Cái	1	5.000	5.000
897	Ghế nghỉ kiểm đếm	Cái	1	5.000	5.000
898	Ghế nghỉ kiểm đếm	Cái	1	5.000	5.000
899	Ghế nghỉ kiểm đếm	Cái	1	5.000	5.000
900	Ghế nghỉ kiểm đếm	Cái	1	5.000	5.000
901	Ghế nghỉ kiểm đếm	Cái	1	5.000	5.000
902	Ghế nghỉ kiểm đếm	Cái	1	5.000	5.000
903	Ghế hội trường loại xếp	Cái	1	50.000	50.000
904	Ghế hội trường loại xếp	Cái	1	50.000	50.000
905	Ghế hội trường loại xếp	Cái	1	50.000	50.000
906	Ghế hội trường loại xếp	Cái	1	50.000	50.000
907	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
908	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
909	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
910	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
911	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
912	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
913	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
914	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
915	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
916	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
917	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
918	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
919	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
920	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
921	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
922	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
923	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
924	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
925	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
926	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
927	Ghế ăn	Cái	1	10.000	10.000
928	Ghế ăn	Cái	1	10.000	10.000
929	Ghế ăn	Cái	1	10.000	10.000
930	Ghế ăn	Cái	1	10.000	10.000
931	Ghế hội nghị	Cái	1	25.000	25.000
932	Ghế hội nghị	Cái	1	25.000	25.000
933	Ghế hội nghị	Cái	1	25.000	25.000
934	Ghế hội nghị	Cái	1	25.000	25.000
935	Ghế hội nghị	Cái	1	25.000	25.000
936	Ghế hội nghị	Cái	1	25.000	25.000
937	Ghế hội nghị	Cái	1	25.000	25.000
938	Ghế hội nghị	Cái	1	25.000	25.000
939	Ghế hội nghị	Cái	1	25.000	25.000
940	Ghế khách Phó Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
941	Ghế khách Phó Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
942	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
943	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
944	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
945	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
946	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
947	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
948	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
949	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
950	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
951	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
952	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
953	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
954	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
955	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
956	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
957	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
958	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
959	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
960	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
961	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
962	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
963	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
964	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
965	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
966	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
967	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
968	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
969	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
970	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
971	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
972	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
973	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
974	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
975	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
976	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
977	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
978	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
979	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
980	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
981	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
982	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
983	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
984	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
985	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
986	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
987	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
988	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
989	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
990	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
991	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
992	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
993	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
994	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
995	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
996	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
997	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
998	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
999	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1000	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1001	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1002	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1003	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1004	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1005	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1006	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1007	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1008	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1009	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1010	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1011	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1012	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1013	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1014	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1015	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1016	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1017	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1018	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1019	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1020	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1021	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1022	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1023	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1024	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1025	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1026	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1027	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1028	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1029	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1030	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1031	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1032	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1033	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1034	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1035	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1036	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1037	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1038	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1039	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1040	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1041	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1042	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1043	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1044	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1045	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1046	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1047	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1048	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1049	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1050	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1051	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1052	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1053	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1054	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1055	Ghế khách Phó Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
1056	Ghế khách Phó Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
1057	Ghế khách Phó Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
1058	Ghế khách Phó Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
1059	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1060	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1061	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1062	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1063	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1064	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1065	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1066	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1067	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1068	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1069	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1070	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1071	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1072	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1073	Ghế khách Phó Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
1074	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1075	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1076	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1077	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1078	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1079	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1080	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1081	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1082	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1083	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1084	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1085	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1086	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1087	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1088	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1089	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1090	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1091	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1092	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1093	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1094	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1095	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1096	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1097	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1098	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1099	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1100	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1101	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1102	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1103	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1104	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1105	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1106	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1107	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1108	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1109	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1110	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1111	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1112	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1113	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1114	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1115	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1116	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1117	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1118	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1119	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1120	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1121	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1122	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1123	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1124	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1125	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1126	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1127	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1128	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1129	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1130	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1131	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1132	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1133	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1134	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1135	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1136	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1137	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1138	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1139	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1140	Ghế khách Phó Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
1141	Ghế khách Phó Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
1142	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1143	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1144	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1145	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1146	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1147	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1148	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1149	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1150	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1151	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1152	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1153	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1154	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1155	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1156	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1157	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1158	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1159	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1160	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1161	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1162	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1163	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1164	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1165	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1166	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1167	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1168	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1169	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1170	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1171	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1172	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1173	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1174	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1175	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1176	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1177	Ghế chân quỳ	Cái	1	10.000	10.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1178	Ghế bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1179	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1180	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1181	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1182	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1183	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1184	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1185	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1186	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1187	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1188	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1189	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1190	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1191	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1192	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1193	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1194	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1195	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1196	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1197	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1198	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1199	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1200	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1201	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1202	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1203	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1204	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1205	Ghế Bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1206	Ghế Bàn họp tròn	Cái	1	50.000	50.000
1207	Bàn đệm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1208	Bàn đệm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1209	Bàn đệm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1210	Bàn đệm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1211	Bàn đệm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1212	Bàn đệm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1213	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1214	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1215	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1216	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1217	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1218	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1219	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1220	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1221	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1222	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1223	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1224	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1225	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1226	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1227	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1228	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1229	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1230	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1231	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1232	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1233	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1234	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1235	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1236	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1237	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1238	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1239	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1240	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1241	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1242	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1243	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1244	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1245	Ghế Phó Giám đốc	Cái	1	15.000	15.000
1246	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1247	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1248	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1249	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1250	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1251	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1252	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1253	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1254	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1255	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1256	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1257	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1258	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1259	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1260	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1261	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1262	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1263	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1264	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1265	Bàn trưởng phòng	Cái	1	15.000	15.000
1266	Bàn họp 12 chỗ - lầu 3	Cái	1	15.000	15.000
1267	Bàn trưởng phòng + Bàn phụ	Cái	1	15.000	15.000
1268	Bàn họp 12 chỗ - lầu 5	Cái	1	15.000	15.000
1269	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1270	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1271	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1272	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1273	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1274	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1275	Ghế chờ giao dịch 2 chỗ	Cái	1	15.000	15.000
1276	Bàn đếm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1277	Bàn đếm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1278	Bàn đếm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1279	Bàn đếm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1280	Bàn đếm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1281	Ghế Phó Giám đốc	Cái	1	15.000	15.000
1282	Ghế Phó Giám đốc	Cái	1	15.000	15.000
1283	Ghế Phó Giám đốc	Cái	1	15.000	15.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1284	Ghế Giám đốc	Cái	1	15.000	15.000
1285	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1286	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1287	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1288	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1289	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1290	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1291	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1292	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1293	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1294	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1295	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1296	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1297	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1298	Bàn hoa tròn	Cái	1	15.000	15.000
1299	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1300	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1301	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1302	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1303	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1304	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1305	Ghế khách Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
1306	Ghế khách Giám đốc	Cái	1	25.000	25.000
1307	Ghế sofa	Cái	1	15.000	15.000
1308	Bàn trưởng phòng + Bàn phụ	Cái	1	15.000	15.000
1309	Bàn trưởng phòng + Bàn phụ	Cái	1	15.000	15.000
1310	Bàn trưởng phòng + Bàn phụ	Cái	1	15.000	15.000
1311	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1312	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1313	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1314	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1315	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1316	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1317	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1318	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1319	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1320	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1321	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1322	Bàn truy cập Internet Digital lab	Cái	1	15.000	15.000
1323	Bàn tròn phòng họp trực tuyến lâu 7	Cái	1	15.000	15.000
1324	Bàn tròn phòng họp trực tuyến lâu 7	Cái	1	15.000	15.000
1325	Bàn phụ Giám đốc	Cái	1	15.000	15.000
1326	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1327	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1328	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1329	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1330	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1331	Bàn giao dịch 1400x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1332	Bàn giao dịch 1400x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1333	Bàn giao dịch 1400x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1334	Bàn giao dịch 1400x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1335	Bàn giao dịch 1400x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1336	Bàn giao dịch 1400x800x750	Cái	1	15.000	15.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1337	Bàn giao dịch 1400x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1338	Bàn giao dịch 1300x650x750	Cái	1	15.000	15.000
1339	Bàn giao dịch 1320x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1340	Bàn giao dịch 1320x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1341	Bàn giao dịch 1320x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1342	Bàn giao dịch 1700x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1343	Bàn giao dịch 700x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1344	Bàn làm việc trưởng phòng	Cái	1	15.000	15.000
1345	Bàn làm việc phó phòng	Cái	1	15.000	15.000
1346	Bàn làm việc kiểm soát viên	Cái	1	15.000	15.000
1347	Bàn làm việc nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
1348	Bàn làm việc nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
1349	Bàn làm việc nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
1350	Bàn làm việc nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
1351	Ghế xoay có tay	Cái	1	5.000	5.000
1352	Ghế xoay có tay	Cái	1	5.000	5.000
1353	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1354	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1355	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1356	Ghế trưởng phòng	Cái	1	50.000	50.000
1357	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1358	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1359	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1360	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1361	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1362	Bàn đếm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1363	Bàn cạnh sofa 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1364	Bàn cạnh sofa 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1365	Bàn cạnh sofa 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1366	Bàn cạnh sofa 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1367	Bàn cạnh sofa 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1368	Ghế chân quỳ	Cái	1	10.000	10.000
1369	Ghế chân quỳ	Cái	1	10.000	10.000
1370	Ghế chân quỳ	Cái	1	10.000	10.000
1371	Bàn giao dịch 1200x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1372	Bàn nước 1000x500x550	Cái	1	15.000	15.000
1373	Bàn làm việc NV	Cái	1	15.000	15.000
1374	Bàn làm việc NV	Cái	1	15.000	15.000
1375	Bàn làm việc NV	Cái	1	15.000	15.000
1376	Bàn làm việc NV	Cái	1	15.000	15.000
1377	Bàn làm việc NV	Cái	1	15.000	15.000
1378	Bàn làm việc NV	Cái	1	15.000	15.000
1379	Bộ bàn làm việc TP	Bộ	1	15.000	15.000
1380	Bộ bàn làm việc PP	Bộ	1	15.000	15.000
1381	Bàn đếm tiền	Cái	1	15.000	15.000
1382	Bàn họp	Cái	1	15.000	15.000
1383	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
1384	Ghế xoay TP	Cái	1	5.000	5.000
1385	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
1386	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
1387	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
1388	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
1389	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1390	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
1391	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
1392	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
1393	Bàn tulip trắng	Cái	1	15.000	15.000
1394	Ghế tulip trắng	Cái	1	50.000	50.000
1395	Ghế tulip trắng	Cái	1	50.000	50.000
1396	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1397	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1398	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1399	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1400	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1401	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1402	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1403	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1404	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1405	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1406	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1407	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1408	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1409	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1410	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1411	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1412	Ghế chân quỳ bọc nệm	Cái	1	10.000	10.000
1413	Bàn làm việc nhân viên 1400x755x750	Cái	1	15.000	15.000
1414	Bàn làm việc nhân viên 1400x755x750	Cái	1	15.000	15.000
1415	Bàn làm việc nhân viên 1400x755x750	Cái	1	15.000	15.000
1416	Bàn làm việc nhân viên 1400x755x750	Cái	1	15.000	15.000
1417	Bàn làm việc nhân viên 1400x755x750	Cái	1	15.000	15.000
1418	Bàn làm việc nhân viên 1400x755x750	Cái	1	15.000	15.000
1419	Bàn làm việc nhân viên 1400x755x750	Cái	1	15.000	15.000
1420	Bàn nước 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1421	Bàn nước 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1422	Bàn nước 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1423	Bàn nước 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1424	Bàn nước 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1425	Bàn nước 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1426	Bàn nước 500x550x550	Cái	1	15.000	15.000
1427	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1428	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1429	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1430	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1431	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1432	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1433	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1434	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1435	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1436	Ghế khách 1800x650x730	Cái	1	25.000	25.000
1437	Ghế khách 1800x650x730	Cái	1	25.000	25.000
1438	Ghế khách 1800x650x730	Cái	1	25.000	25.000
1439	Ghế khách 1800x650x730	Cái	1	25.000	25.000
1440	Ghế khách 1800x650x730	Cái	1	25.000	25.000
1441	Ghế khách 1800x650x730	Cái	1	25.000	25.000
1442	Ghế khách 1800x650x730	Cái	1	25.000	25.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1443	Ghế khách 1800x650x730	Cái	1	25.000	25.000
1444	Ghế khách 1800x650x730	Cái	1	25.000	25.000
1445	Bàn giao dịch 1300x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1446	Bàn giao dịch 1700x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1447	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1448	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1449	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1450	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1451	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1452	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1453	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1454	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1455	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1456	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1457	Bàn làm việc	Cái	1	15.000	15.000
1458	Bàn làm việc TP	Cái	1	15.000	15.000
1459	Bàn để máy vi tính + mâm kéo	Cái	1	5.000	5.000
1460	Bàn vi tính có mâm kéo + kệ CPU	Cái	1	5.000	5.000
1461	Bàn trang trí cho ghế khách chờ	Cái	1	5.000	5.000
1462	Bàn trang trí cho ghế khách chờ	Cái	1	5.000	5.000
1463	Bàn trang trí cho ghế khách chờ	Cái	1	5.000	5.000
1464	Bàn trang trí cho ghế khách chờ	Cái	1	5.000	5.000
1465	Bàn trang trí cho ghế khách chờ	Cái	1	5.000	5.000
1466	Bàn trang trí cho ghế khách chờ	Cái	1	5.000	5.000
1467	Bàn trang trí cho ghế khách chờ	Cái	1	5.000	5.000
1468	Bàn trang trí cho ghế khách chờ	Cái	1	5.000	5.000
1469	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1470	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1471	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1472	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1473	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1474	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1475	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1476	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1477	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1478	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1479	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1480	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1481	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1482	Bàn giao dịch KH & Bàn phím	Cái	1	15.000	15.000
1483	Bàn góc giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
1484	Bàn họp lớn	Cái	1	15.000	15.000
1485	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1486	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1487	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1488	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
1489	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
1490	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1491	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1492	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1493	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1494	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1495	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1496	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1497	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1498	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1499	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1500	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1501	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1502	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1503	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1504	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1505	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1506	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1507	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1508	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1509	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1510	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1511	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1512	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1513	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1514	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1515	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1516	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1517	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1518	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1519	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1520	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1521	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1522	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1523	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1524	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1525	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1526	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1527	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1528	Ghế làm việc TP	Cái	1	50.000	50.000
1529	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1530	Ghế khách chờ	Cái	1	25.000	25.000
1531	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1532	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1533	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1534	Ghế xoay không tay	Cái	1	5.000	5.000
1535	Ghế xoay không tay	Cái	1	5.000	5.000
1536	Ghế xoay không tay	Cái	1	5.000	5.000
1537	Ghế khách chờ hình L	Cái	1	25.000	25.000
1538	Ghế khách chờ hình L	Cái	1	25.000	25.000
1539	Ghế khách chờ hình L	Cái	1	25.000	25.000
1540	Ghế khách chờ hình L	Cái	1	25.000	25.000
1541	Ghế khách chờ hình L	Cái	1	25.000	25.000
1542	Ghế khách chờ hình L	Cái	1	25.000	25.000
1543	Ghế khách chờ hình L	Cái	1	25.000	25.000
1544	Ghế khách chờ hình L	Cái	1	25.000	25.000
1545	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1546	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1547	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1548	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1549	Ghế làm việc	Cái	1	50.000	50.000
1550	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1551	Bàn giao dịch thấp 2 cấp cho ngân quỹ 1,4x1,085x0	Cái	1	15.000	15.000
1552	Bàn giao dịch thấp 2 cấp cho ngân quỹ 1,4x1,085x0	Cái	1	15.000	15.000
1553	Bàn giao dịch thấp 2 cấp góc ngoài 1,993x0,90x0,85	Cái	1	15.000	15.000
1554	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1555	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1556	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1557	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1558	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1559	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1560	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1561	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1562	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1563	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1564	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1565	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1566	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1567	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1568	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1569	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1570	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1571	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1572	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1573	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1574	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1575	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1576	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1577	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1578	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1579	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1580	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1581	Ghế nhân viên (nệm đen)	Cái	1	5.000	5.000
1582	Bàn họp	Cái	1	15.000	15.000
1583	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1584	Bàn nhân viên giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
1585	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1586	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1587	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1588	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1589	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1590	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1591	Ghế họp	Cái	1	5.000	5.000
1592	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1593	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1594	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1595	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1596	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1597	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1598	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1599	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1600	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1601	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1602	Bàn giao dịch góc 1,32x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1603	Bàn giao dịch 1,2x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1604	Bàn giao dịch 1,2x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1605	Bàn giao dịch 1,2x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1606	Bàn giao dịch 1,2x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1607	Bàn giao dịch 1,2x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1608	Bàn giao dịch 1,2x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1609	Bàn giao dịch 1,2x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1610	Bàn giao dịch 1,2x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1611	Bàn giao dịch 1,2x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1612	Bàn ngân quỹ 1,26x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1613	Bàn ngân quỹ 1,26x0,8x0,75	Cái	1	15.000	15.000
1614	Bàn salon 1200x600x500	Cái	1	15.000	15.000
1615	Ghế xoay nhân viên	Cái	1	5.000	5.000
1616	Bàn quầy giao dịch 1400x1045x850	Cái	1	15.000	15.000
1617	Bàn quầy giao dịch 1400x1045x850	Cái	1	15.000	15.000
1618	Bàn quầy giao dịch 1400x1045x850	Cái	1	15.000	15.000
1619	Bàn quầy giao dịch 1400x1045x850	Cái	1	15.000	15.000
1620	Bàn hướng dẫn	Cái	1	15.000	15.000
1621	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1622	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1623	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1624	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1625	Băng ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
1626	Băng ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
1627	Bàn nước 0,45x0,45x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1628	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	25.000	25.000
1629	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	25.000	25.000
1630	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	25.000	25.000
1631	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	25.000	25.000
1632	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	25.000	25.000
1633	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	25.000	25.000
1634	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	25.000	25.000
1635	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	25.000	25.000
1636	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	25.000	25.000
1637	Bàn giao dịch thấp 2 cấp cho ngân quỹ 1,4x1,085x0,85	Cái	1	15.000	15.000
1638	Bàn giao dịch thấp 2 cấp 1,4x1,085x0,85	Cái	1	15.000	15.000
1639	Bàn giao dịch thấp 2 cấp 1,4x1,085x0,85	Cái	1	15.000	15.000
1640	Bàn giao dịch thấp 2 cấp 1,4x1,085x0,85	Cái	1	15.000	15.000
1641	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 1000x450x450	Cái	1	25.000	25.000
1642	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 1000x450x450	Cái	1	25.000	25.000
1643	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 1000x450x450	Cái	1	25.000	25.000
1644	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 1000x450x450	Cái	1	25.000	25.000
1645	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 1000x450x450	Cái	1	25.000	25.000
1646	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 1000x450x450	Cái	1	25.000	25.000
1647	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 1000x450x450	Cái	1	25.000	25.000
1648	Ghế khách ngồi chờ 2 chỗ 1000x450x450	Cái	1	25.000	25.000
1649	Bàn giao dịch 2200x907x850	Cái	1	15.000	15.000
1650	Bàn giao dịch 1400x1045x850	Cái	1	15.000	15.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1651	Bàn giao dịch nổi (1350x800x850)	Cái	1	15.000	15.000
1652	Bàn quây GD 1280x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1653	Bàn quây GD 1280x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1654	Bàn quây GD 1280x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1655	Bàn giao dịch góc	Cái	1	15.000	15.000
1656	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1657	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1658	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1659	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1660	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1661	Ghế trưởng phòng	Cái	1	50.000	50.000
1662	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1663	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1664	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1665	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1666	Băng ghế chờ 2 chỗ	Cái	1	10.000	10.000
1667	Ghế chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	10.000	10.000
1668	Ghế chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	10.000	10.000
1669	Ghế chờ 2 chỗ 0,98x0,45x0,45	Cái	1	10.000	10.000
1670	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1671	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1672	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1673	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1674	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1675	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1676	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1677	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1678	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1679	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1680	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1681	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1682	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1683	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1684	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1685	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1686	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1687	Ghế khách chờ 2 chỗ	Cái	1	25.000	25.000
1688	Bàn giao dịch 1200x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1689	Bàn giao dịch 1200x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1690	Bàn giao dịch 1200x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1691	Bàn giao dịch 1200x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1692	Bàn giao dịch 1200x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1693	Bàn giao dịch 1200x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1694	Bàn giao dịch 1200x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1695	Bàn giao dịch 1200x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1696	Bàn góc giao dịch 800x800x750	Cái	1	15.000	15.000
1697	Bàn làm việc kiểm soát viên	Cái	1	15.000	15.000
1698	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
1699	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1700	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1701	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1702	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1703	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1704	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1705	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1706	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1707	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1708	Bàn viết 800x400x1100	Cái	1	15.000	15.000
1709	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1710	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1711	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1712	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1713	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1714	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1715	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1716	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1717	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1718	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1719	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1720	Ghế khách ngồi	Cái	1	25.000	25.000
1721	Bàn nước 1x0,5x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1722	Bàn nước 1x0,5x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1723	Bàn nước 1x0,5x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1724	Bàn nước 1x0,5x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1725	Bàn nước 1x0,5x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1726	Bàn nước 1x0,5x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1727	Bàn nước 1x0,5x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1728	Bàn nước 1x0,5x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1729	Bàn nước 1x0,5x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1730	Bàn nước 1x0,5x0,45	Cái	1	15.000	15.000
1731	Bàn viết khách hàng 1,2x0,45x1,10	Cái	1	15.000	15.000
1732	Bàn viết khách hàng 1,2x0,45x1,10	Cái	1	15.000	15.000
1733	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1734	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1735	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1736	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1737	Ghế khách	Cái	1	25.000	25.000
1738	Bàn nhân viên	Cái	1	15.000	15.000
1739	Bàn điện form	Cái	1	15.000	15.000
1740	Bàn điện form	Cái	1	15.000	15.000
1741	Bàn điện form	Cái	1	15.000	15.000
1742	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
1743	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
1744	Bàn nước	Cái	1	15.000	15.000
1745	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1746	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1747	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1748	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1749	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1750	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1751	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1752	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1753	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1754	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1755	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1756	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1757	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1758	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1759	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1760	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1761	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1762	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1763	Ghế nhân viên	Cái	1	50.000	50.000
1764	Bàn kiểm soát, phó phòng	Cái	1	15.000	15.000
1765	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1766	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1767	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1768	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1769	Ghế khách hàng	Cái	1	25.000	25.000
1770	Bàn phó phòng	Cái	1	15.000	15.000
1771	Bàn hong quây giao dịch	Cái	1	15.000	15.000
1772	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1773	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1774	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1775	Bàn giao dịch góc	Cái	1	15.000	15.000
1776	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1777	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1778	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1779	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1780	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1781	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1782	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1783	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1784	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1785	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1786	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1787	Bàn giao dịch thấp 2 cấp	Cái	1	15.000	15.000
1788	Quây giao dịch phòng tiếp khách	Cái	1	15.000	15.000
1789	Bàn giao dịch góc	Cái	1	15.000	15.000
1790	Bàn giao dịch góc	Cái	1	15.000	15.000
1791	Tủ cao	Cái	1	5.000	5.000
1792	Tủ phụ bàn quây	Cái	1	15.000	15.000
1793	Tủ phụ bàn quây	Cái	1	15.000	15.000
1794	Tủ phụ bàn quây	Cái	1	15.000	15.000
1795	Tủ phụ bàn quây	Cái	1	15.000	15.000
1796	Kệ tủ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1797	Tủ trưng bày thấp	Cái	1	5.000	5.000
1798	Tủ trưng bày thấp	Cái	1	5.000	5.000
1799	Tủ cao	Cái	1	5.000	5.000
1800	Tủ cao	Cái	1	5.000	5.000
1801	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1802	Tủ hồ sơ di động phòng Giám đốc	Cái	1	5.000	5.000
1803	Tủ hồ sơ cao	Cái	1	5.000	5.000
1804	Tủ hồ sơ cao	Cái	1	5.000	5.000
1805	Tủ hồ sơ cao	Cái	1	5.000	5.000
1806	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1807	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1808	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1809	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1810	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1811	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1812	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1813	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1814	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1815	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1816	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1817	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1818	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1819	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1820	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1821	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1822	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1823	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1824	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1825	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1826	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1827	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1828	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1829	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1830	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1831	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1832	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1833	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1834	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1835	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1836	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1837	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1838	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1839	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1840	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1841	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1842	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1843	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1844	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1845	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1846	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1847	Tủ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1848	Tủ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1849	Tủ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1850	Tủ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1851	Tủ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1852	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1853	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1854	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1855	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1856	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1857	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1858	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1859	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1860	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1861	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1862	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1863	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1864	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1865	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1866	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1867	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1868	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1869	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1870	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1871	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1872	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1873	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1874	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1875	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1876	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1877	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1878	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1879	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1880	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1881	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1882	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1883	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1884	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1885	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1886	Tủ di động	Cái	1	5.000	5.000
1887	Tủ thấp 4 cánh	Cái	1	5.000	5.000
1888	Tủ di động 3 ngăn 450x450x680	Cái	1	5.000	5.000
1889	Tủ hồ sơ thấp 900x400x680	Cái	1	5.000	5.000
1890	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1891	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1892	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1893	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1894	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1895	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1896	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1897	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1898	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1899	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1900	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1901	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1902	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1903	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1904	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1905	Tủ di động 3 ngăn 450x450x600	Cái	1	5.000	5.000
1906	Tủ sắt 2 cánh (1900x1000x500mm)	Cái	1	50.000	50.000
1907	Tủ hồ sơ 12 ngăn (1830x915x457)	Cái	1	5.000	5.000
1908	Tủ sắt cao	Cái	1	50.000	50.000
1909	Tủ cao	Cái	1	5.000	5.000
1910	Tủ cao phòng Phó Giám đốc (loại nhỏ) - tầng lửng	Cái	1	5.000	5.000
1911	Tủ cao phòng Phó Giám đốc (loại nhỏ) - tầng lửng	Cái	1	5.000	5.000
1912	Tủ cao (thay thế hca) - lầu 2	Cái	1	5.000	5.000
1913	Tủ cao (thay thế hca) - lầu 2	Cái	1	5.000	5.000

Stt	Tên tài sản	DVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1914	Tủ cao - lầu 3	Cái	1	5.000	5.000
1915	Tủ cao - lầu 3	Cái	1	5.000	5.000
1916	Tủ cao - lầu 5	Cái	1	5.000	5.000
1917	Tủ cao - lầu 5	Cái	1	5.000	5.000
1918	Tủ phụ bàn thư ký	Cái	1	5.000	5.000
1919	Tủ phòng Giám đốc	Cái	1	5.000	5.000
1920	Tủ phòng Giám đốc	Cái	1	5.000	5.000
1921	Tủ phòng Giám đốc	Cái	1	5.000	5.000
1922	Tủ phòng Giám đốc	Cái	1	5.000	5.000
1923	Tủ áo	Cái	1	5.000	5.000
1924	Tủ áo	Cái	1	5.000	5.000
1925	Tủ áo	Cái	1	5.000	5.000
1926	Tủ áo	Cái	1	5.000	5.000
1927	Tủ mini bar	Cái	1	5.000	5.000
1928	Tủ gỗ	Cái	1	5.000	5.000
1929	Tủ sách (logo Vietcombank)	Cái	1	5.000	5.000
1930	Tủ quần áo	Cái	1	5.000	5.000
1931	Tủ quần áo	Cái	1	5.000	5.000
1932	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1933	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1934	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1935	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1936	Tủ di động 3 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1937	Tủ di động 3 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1938	Tủ di động 3 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1939	Tủ di động 3 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1940	Tủ di động 3 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1941	Tủ di động 3 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1942	Tủ di động 3 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1943	Tủ thấp 900x500x900	Cái	1	5.000	5.000
1944	Tủ thấp 900x500x900	Cái	1	5.000	5.000
1945	Tủ thấp 900x500x900	Cái	1	5.000	5.000
1946	Tủ di động 2 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1947	Tủ di động 2 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1948	Tủ di động 2 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1949	Tủ di động 2 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1950	Tủ di động 2 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1951	Tủ di động 2 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1952	Tủ di động 2 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1953	Tủ di động 2 ngăn	Cái	1	5.000	5.000
1954	Tủ hồ sơ cao	Cái	1	5.000	5.000
1955	Tủ áo	Cái	1	5.000	5.000
1956	Tủ phụ 900x500x650	Cái	1	5.000	5.000
1957	Tủ phụ 900x500x650	Cái	1	5.000	5.000
1958	Tủ thấp 800x400x900	Cái	1	5.000	5.000
1959	Tủ thấp 800x400x900	Cái	1	5.000	5.000
1960	Tủ thấp 800x400x900	Cái	1	5.000	5.000
1961	Tủ thấp 780x400x900	Cái	1	5.000	5.000
1962	Tủ hồ sơ	Cái	1	5.000	5.000
1963	Tủ di động	Cái	1	5.000	5.000
1964	Tủ di động	Cái	1	5.000	5.000
1965	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1966	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1967	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1968	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1969	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1970	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1971	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1972	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1973	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1974	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1975	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1976	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1977	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1978	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1979	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1980	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1981	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1982	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1983	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1984	Tủ hồ sơ thấp	Cái	1	5.000	5.000
1985	Tủ hồ sơ cao	Cái	1	5.000	5.000
1986	Tủ hồ sơ 810x810x400	Cái	1	5.000	5.000
1987	Tủ hồ sơ 810x810x400	Cái	1	5.000	5.000
1988	Tủ hồ sơ 810x810x400	Cái	1	5.000	5.000
1989	Tủ hồ sơ 810x810x400	Cái	1	5.000	5.000
1990	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
1991	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
1992	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
1993	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
1994	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
1995	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
1996	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
1997	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
1998	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
1999	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
2000	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
2001	Tủ phụ Quầy giao dịch 0,432x0,582x0,714	Cái	1	5.000	5.000
2002	Tủ hồ sơ cao 800x400x2200	Cái	1	5.000	5.000
2003	Tủ hồ sơ cao 800x400x2200	Cái	1	5.000	5.000
2004	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2005	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2006	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2007	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2008	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2009	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2010	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2011	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2012	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2013	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2014	Tủ hồ sơ cao 3 ngăn 1300x400x1000	Cái	1	5.000	5.000
2015	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2016	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2017	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2018	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000
2019	Tủ phụ	Cái	1	5.000	5.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
2020	Tủ hồ sơ cao	Cái	1	5.000	5.000
2021	Tủ hồ sơ cao (1000x400x3060)	Cái	1	5.000	5.000
2022	Tủ hồ sơ cao (1000x400x3060)	Cái	1	5.000	5.000
2023	Tủ hồ sơ nổi (800x400x860)	Cái	1	5.000	5.000
2024	Tủ hồ sơ nổi (800x400x860)	Cái	1	5.000	5.000
2025	Tủ hồ sơ nổi (800x400x860)	Cái	1	5.000	5.000
2026	Tủ hồ sơ nổi (800x400x860)	Cái	1	5.000	5.000
2027	Tủ hồ sơ nổi (800x400x860)	Cái	1	5.000	5.000
2028	Tủ hồ sơ nổi (440x400x3060)	Cái	1	5.000	5.000
2029	Tủ hồ sơ cao (880x400x2660)	Cái	1	5.000	5.000
2030	Tủ hồ sơ cao (880x400x2660)	Cái	1	5.000	5.000
2031	Tủ hồ sơ cao (880x400x2660)	Cái	1	5.000	5.000
2032	Tủ hồ sơ cao 1600x400x2200	Cái	1	5.000	5.000
2033	Bục phát biểu 700x500x1100	Cái	1	3.000	3.000
2034	Kệ 3 đột kính	Cái	1	20.000	20.000
2035	Bục tượng Bác 700x500x1200	Cái	1	3.000	3.000
2036	Đôn ngồi	Cái	1	5.000	5.000
2037	Bục phát biểu	Cái	1	3.000	3.000
2038	Bục tượng Bác	Cái	1	3.000	3.000
2039	Kệ để điện thoại QĐ	Cái	1	3.000	3.000
2040	Kệ để điện thoại (My) QĐ	Cái	1	3.000	3.000
2041	Kệ để Brochure	Cái	1	5.000	5.000
2042	Kệ sắt chứng từ	Cái	1	20.000	20.000
2043	Kệ sắt chứng từ	Cái	1	20.000	20.000
2044	Kệ sắt chứng từ	Cái	1	20.000	20.000
2045	Kệ sắt chứng từ	Cái	1	20.000	20.000
2046	Kệ sắt chứng từ	Cái	1	20.000	20.000
2047	Kệ sắt chứng từ	Cái	1	20.000	20.000
2048	Kệ sắt chứng từ	Cái	1	20.000	20.000
2049	Kệ sắt chứng từ	Cái	1	20.000	20.000
2050	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	20.000	20.000
2051	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2052	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2053	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2054	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2055	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2056	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2057	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2058	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2059	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2060	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2061	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2062	Kệ kim khí sắt	Cái	1	10.000	10.000
2063	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2064	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2065	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2066	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2067	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2068	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2069	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2070	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2071	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2072	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
2073	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2074	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2075	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2076	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2077	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2078	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2079	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2080	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2081	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2082	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2083	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2084	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2085	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2086	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2087	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2088	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2089	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2090	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2091	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2092	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2093	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2094	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2095	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2096	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2097	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2098	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2099	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2100	Kệ sắt 4 ngăn kho LT	Cái	1	20.000	20.000
2101	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2102	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2103	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2104	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2105	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2106	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2107	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2108	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2109	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2110	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2111	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2112	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2113	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2114	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2115	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2116	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2117	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2118	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2119	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2120	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2121	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2122	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2123	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2124	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2125	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
2126	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2127	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2128	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2129	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2130	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2131	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2132	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2133	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2134	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2135	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2136	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2137	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2138	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2139	Kệ kim khí	Cái	1	10.000	10.000
2140	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2141	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2142	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2143	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2144	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2145	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2146	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2147	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2148	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2149	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2150	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2151	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2152	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2153	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2154	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2155	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2156	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2157	Kệ sắt đựng chứng từ	Cái	1	50.000	50.000
2158	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2159	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2160	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2161	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2162	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2163	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2164	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2165	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2166	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2167	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2168	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2169	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2170	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2171	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2172	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2173	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2174	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2175	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2176	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2177	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000
2178	Kệ sắt để chứng từ 2,4x5,1	Cái	1	50.000	50.000

437
NH
COM
VIET
CHI
TR
NH

[illegible]

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
2815	Kệ sắt lưu trữ chứng từ kho PGD6	Cái	1	30.000	30.000
2816	Kệ sắt lưu trữ chứng từ kho PGD6	Cái	1	30.000	30.000
2817	Kệ để hồ sơ SH1 1300x400x2200	Cái	1	30.000	30.000
2818	Thùng inox 460x360x270	Cái	1	30.000	30.000
2819	Thùng inox 460x360x270	Cái	1	30.000	30.000
2820	Thùng inox 460x360x270	Cái	1	30.000	30.000
2821	Thùng inox 460x360x270	Cái	1	30.000	30.000
2822	Thùng inox đựng tiền NQ	Cái	1	30.000	30.000
2823	Thùng inox đựng tiền NQ	Cái	1	30.000	30.000
2824	Thùng inox đựng tiền NQ	Cái	1	30.000	30.000
2825	Thùng inox đựng tiền NQ	Cái	1	30.000	30.000
2826	Thùng inox đựng tiền NQ	Cái	1	30.000	30.000
2827	Thùng inox đựng tiền P tiết kiệm	Cái	1	30.000	30.000
2828	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2829	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2830	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2831	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2832	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2833	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2834	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2835	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2836	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2837	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2838	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2839	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2840	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2841	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2842	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2843	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2844	Thùng tôn mạ kẽm	Cái	1	10.000	10.000
2845	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2846	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2847	Thùng inox (50X45X30)	Cái	1	30.000	30.000
2848	Thùng inox (50X45X30)	Cái	1	30.000	30.000
2849	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2850	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2851	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2852	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2853	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2854	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2855	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2856	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2857	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2858	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2859	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2860	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2861	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2862	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2863	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2864	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2865	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2866	Thùng sắt đựng UPS máy ATM	Cái	1	30.000	30.000
2867	Thùng inox (480X360X280)	Cái	1	30.000	30.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
2868	Thùng inox (480X360X280)	Cái	1	30.000	30.000
2869	Thùng tole (520X420X300)	Cái	1	30.000	30.000
2870	Thùng tole (520X420X300)	Cái	1	30.000	30.000
2871	Thùng inox	Cái	1	30.000	30.000
2872	Thùng inox	Cái	1	30.000	30.000
2873	Thùng inox	Cái	1	30.000	30.000
2874	Thùng inox	Cái	1	30.000	30.000
2875	Thùng inox	Cái	1	30.000	30.000
2876	Thùng inox 480X360X280	Cái	1	30.000	30.000
2877	Thùng inox 400X300X200	Cái	1	30.000	30.000
2878	Thùng inox 190X90X90	Cái	1	30.000	30.000
2879	Xe đẩy Prestar 300kg	Cái	1	10.000	10.000
2880	Tranh vẽ vinh quy bái tổ	Cái	1	-	-
2881	Tranh vẽ vinh quy bái tổ	Cái	1	-	-
2882	Tranh sơn mài 50 X 100 (QHQT)	Cái	1	-	-
2883	Chậu hoa	Cái	1	15.000	15.000
2884	Chậu hoa	Cái	1	15.000	15.000
2885	Chậu hoa	Cái	1	15.000	15.000
2886	Chậu hoa	Cái	1	15.000	15.000
2887	Chậu hoa	Cái	1	15.000	15.000
2888	Kệ tạp chí Brochure	Cái	1	5.000	5.000
2889	Kệ tạp chí Brochure	Cái	1	5.000	5.000
2890	Kệ tạp chí & Brochure	Cái	1	5.000	5.000
2891	Kệ tạp chí & Brochure - Lầu 3	Cái	1	5.000	5.000
2892	Kệ tạp chí Brochure	Cái	1	5.000	5.000
2893	Kệ trang trí	Cái	1	20.000	20.000
2894	Kệ trang trí	Cái	1	20.000	20.000
2895	Kệ trang trí	Cái	1	20.000	20.000
2896	Kệ trang trí	Cái	1	20.000	20.000
2897	Kệ trang trí	Cái	1	20.000	20.000
2898	Kệ trang trí	Cái	1	20.000	20.000
2899	Kệ trang trí	Cái	1	20.000	20.000
2900	Kệ trưng bày	Cái	1	20.000	20.000
2901	Thùng inox 400x300x180	Cái	1	30.000	30.000
2902	Kệ để hồ sơ 1100X400X2200	Cái	1	20.000	20.000
2903	Kệ để hồ sơ 3200X400X2200	Cái	1	20.000	20.000
2904	Bảng viết xi trắng	Cái	1	2.000	2.000
2905	Kệ để Brochure	Cái	1	5.000	5.000
2906	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2907	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2908	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2909	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2910	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2911	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2912	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
2913	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2914	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2915	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2916	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2917	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2918	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2919	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2920	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2921	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2922	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2923	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2924	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2925	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2926	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2927	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2928	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2929	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2930	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2931	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2932	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2933	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2934	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2935	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2936	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2937	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2938	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2939	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000

Stt	Tên tài sản	DVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
2940	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2941	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2942	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2943	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2944	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2945	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2946	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2947	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2948	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2949	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2950	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2951	Kệ để hồ sơ SH2 1800X400X2200	Cái	1	20.000	20.000
2952	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2953	Kệ để Brochure	Cái	1	5.000	5.000
2954	Thùng thư góp ý	Cái	1	30.000	30.000
2955	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2956	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2957	Thùng inox 420x320x200	Cái	1	30.000	30.000
2958	Thùng inox 420x320x200	Cái	1	30.000	30.000
2959	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2960	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2961	Giá đỡ băng chuyền và loa đàm thoại giao tiếp	Cái	1	10.000	10.000
2962	Máy phát điện (69BTX)	Cái	1	500.000	500.000
2963	Máy bơm nước Ebara 7.5HP 3 PHA	Cái	1	200.000	200.000
2964	Máy bơm nước	Cái	1	200.000	200.000
2965	Máy bơm nước 1/2 HF	Cái	1	200.000	200.000
2966	Máy bơm nước Yamaha, phụ kiện	Cái	1	200.000	200.000
2967	Máy bơm nước CM50-60 Bentric	Cái	1	200.000	200.000
2968	Máy bơm nước 3HP TAI 29 BCD	Cái	1	200.000	200.000
2969	Quạt bàn	Cái	1	15.000	15.000
2970	Quạt công nghiệp	Cái	1	15.000	15.000
2971	Quạt tháp	Cái	1	15.000	15.000
2972	Quạt công nghiệp	Cái	1	15.000	15.000
2973	Quạt tháp	Cái	1	15.000	15.000
2974	Quạt hộp Asia	Cái	1	15.000	15.000
2975	Quạt cây	Cái	1	15.000	15.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
2976	Quạt tháp	Cái	1	15.000	15.000
2977	Quạt tháp	Cái	1	15.000	15.000
2978	Quạt tháp	Cái	1	15.000	15.000
2979	Quạt chắn gió FM3509D	Cái	1	15.000	15.000
2980	Quạt chắn gió FM3509D	Cái	1	15.000	15.000
2981	Quạt thông gió lâu 1/2 cái	Cái	1	15.000	15.000
2982	Quạt thông gió lâu 2/2 cái	Cái	1	15.000	15.000
2983	Quạt đứng (THE)	Cái	1	15.000	15.000
2984	Quạt đứng Asia	Cái	1	15.000	15.000
2985	Quạt đứng Asia	Cái	1	15.000	15.000
2986	Ôn áp Hansin 6KVA (ATM Đầm Sen)	Cái	1	10.000	10.000
2987	Máy nóng lạnh Ariston	Cái	1	80.000	80.000
2988	Tủ lạnh Sanyo phòng A.Tuan _ PGD	Cái	1	100.000	100.000
2989	Tủ lạnh Hitachi 180L K18A 3V	Cái	1	100.000	100.000
2990	Tủ lạnh Sanyo 120 LIT 83 TQT	Cái	1	100.000	100.000
2991	Tủ lạnh Sanyo SR - P25 MN	Cái	1	100.000	100.000
2992	Lò vi sóng Sharp R-C942VN (ST)	Cái	1	30.000	30.000
2993	Tủ lạnh Sanyo 120 LIT 83 TQT	Cái	1	100.000	100.000
2994	Tủ lạnh Hitachi T350EG1D 290 LIT	Cái	1	100.000	100.000
2995	Máy sấy bát đĩa tự động	Cái	1	10.000	10.000
2996	Máy sấy bát đĩa tự động	Cái	1	10.000	10.000
2997	Lò vi sóng Sanyo	Cái	1	30.000	30.000
2998	Bộ nồi giữ nóng	Bộ	1	30.000	30.000
2999	Máy tính bảng cộng Casio DR-210TM	Cái	1	2.000	2.000
3000	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3001	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3002	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3003	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3004	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3005	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3006	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3007	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3008	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3009	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3010	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3011	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3012	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3013	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3014	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3015	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3016	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3017	Máy tính bảng cộng Casio DR210TM	Cái	1	2.000	2.000
3018	Máy tính bảng cộng Casio DR210TM	Cái	1	2.000	2.000
3019	Máy tính bảng cộng Casio DR210TM	Cái	1	2.000	2.000
3020	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3021	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3022	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3023	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3024	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3025	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3026	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3027	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3028	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
3029	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3030	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3031	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3032	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3033	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3034	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3035	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3036	Máy tính cá nhân Casio	Cái	1	2.000	2.000
3037	Máy tính cá nhân Casio	Cái	1	2.000	2.000
3038	Máy tính cá nhân Casio DJ120C	Cái	1	2.000	2.000
3039	Máy tính cá nhân Casio DJ120C	Cái	1	2.000	2.000
3040	Máy tính cá nhân Casio DJ120C	Cái	1	2.000	2.000
3041	Máy tính cá nhân Casio DJ120C	Cái	1	2.000	2.000
3042	Máy tính cá nhân	Cái	1	2.000	2.000
3043	Máy tính cá nhân	Cái	1	2.000	2.000
3044	Máy tính cá nhân	Cái	1	2.000	2.000
3045	Máy tính cá nhân	Cái	1	2.000	2.000
3046	Máy tính cá nhân	Cái	1	2.000	2.000
3047	Máy tính cá nhân	Cái	1	2.000	2.000
3048	Máy tính cá nhân	Cái	1	2.000	2.000
3049	Thiết bị Apple TV Gen 4	Cái	1	1.000	1.000
3050	Máy đọc mã vạch	Cái	1	2.000	2.000
3051	Máy hút bụi Sanyo	Cái	1	2.000	2.000
3052	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3053	Đồng hồ đo điện Kyoritsu	Cái	1	2.000	2.000
3054	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3055	Dụng cụ y tế	Cái	1	-	-
3056	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3057	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3058	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3059	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3060	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3061	Cân sức khỏe	Cái	1	5.000	5.000
3062	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3063	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3064	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3065	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3066	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3067	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3068	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3069	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3070	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3071	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3072	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3073	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3074	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3075	Hộp đèn 24H máy ATM	Cái	1	5.000	5.000
3076	Máy đo huyết áp	Cái	1	1.000	1.000
3077	Loa kiểu SE207 có giá để	Cái	1	10.000	10.000
3078	Loa kiểu SE207 có giá để	Cái	1	10.000	10.000
3079	Loa kiểu SE207 có giá để	Cái	1	10.000	10.000
3080	Loa kiểu SE207 có giá để	Cái	1	10.000	10.000
3081	Đồng hồ Ampe	Cái	1	1.000	1.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
3082	Đồng hồ Ampe	Cái	1	1.000	1.000
3083	Đồng hồ điện trở	Cái	1	1.000	1.000
3084	Máy vắn tay Adel model 4900-2	Cái	1	10.000	10.000
3085	Máy hấp dụng cụ y tế	Cái	1	20.000	20.000
3086	Tủ lạnh Toshiba GR-TG46VPDZ	Cái	1	100.000	100.000
3087	Quạt đứng KDK	Cái	1	15.000	15.000
3088	Quạt đứng KDK	Cái	1	15.000	15.000
3089	Quạt đứng KDK	Cái	1	15.000	15.000
3090	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3091	Máy tính cá nhân Casio	Cái	1	2.000	2.000
3092	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3093	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3094	Quạt hộp Asia	Cái	1	15.000	15.000
3095	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3096	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3097	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3098	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3099	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3100	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3101	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3102	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3103	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3104	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3105	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3106	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3107	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3108	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3109	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3110	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3111	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3112	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3113	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3114	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3115	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3116	Máy tạo oxy trong phòng (nhỏ)	Cái	1	40.000	40.000
3117	Máy phun đeo lưng Nano	Cái	1	30.000	30.000
3118	Máy phun đeo lưng Nano	Cái	1	30.000	30.000
3119	Máy phun công nghiệp cầm tay Nano	Cái	1	30.000	30.000
3120	Máy phun công nghiệp cầm tay Nano	Cái	1	30.000	30.000
3121	Máy tính Casio SL240 (PMD)	Cái	1	2.000	2.000
3122	Máy tính Casio SL240 (PMD)	Cái	1	2.000	2.000
3123	Máy tính Casio SL240 (PMD)	Cái	1	2.000	2.000
3124	Máy tính Casio SL240 (PMD)	Cái	1	2.000	2.000
3125	Máy tính bảng cộng Casio DR210TM	Cái	1	2.000	2.000
3126	Máy tính bảng cộng Casio DR210TM	Cái	1	2.000	2.000
3127	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3128	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3129	Máy tính bảng cộng Casio DR210TM	Cái	1	2.000	2.000
3130	Máy tính bảng cộng Casio DR210TM	Cái	1	2.000	2.000
3131	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3132	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3133	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000
3134	Máy tính bảng cộng	Cái	1	2.000	2.000

Stt	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
3135	Máy tính bảng cộng Casio	Cái	1	2.000	2.000
3136	Máy tính bảng cộng Casio DR210TM	Cái	1	2.000	2.000
3137	Xe đẩy tiên Prestar NB301	Cái	1	20.000	20.000
3138	Xe đẩy bạc Sekaku - Đài Loan	Cái	1	20.000	20.000
3139	Xe đẩy tiên Prestar 300KG	Cái	1	20.000	20.000
3140	Xe đẩy tiên Prestar NF301	Cái	1	20.000	20.000
3141	Xe đẩy tiên Prestar NF301	Cái	1	20.000	20.000
3142	Máy đo điện tim (FukudaMFC100)	Cái	1	2.000	2.000
	Tổng cộng				114.355.000